

RÀ SOÁT CHI TIẾT QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU, SO SÁNH VỚI CAM KẾT EVFTA.

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>Article 1. Objectives</p>		
<p>1. The Parties recognise the importance of customs and trade facilitation matters in the evolving global trading environment. The Parties agree to reinforce cooperation in this area with a view to ensuring that the legislation and procedures fulfil the objectives of promoting trade facilitation while ensuring effective customs control.</p>	<p>1. Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý, kiểm tra chuyên ngành (QLCN) đối với hàng hoá xuất khẩu (XK), nhập khẩu (NK), các luật QLCN quy định:</p> <p>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 (Luật CLSPHH) quy định tại khoản 7 Điều 6 (Chính sách của nhà nước về hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá):</p> <p>“7. Mở rộng hợp tác với các quốc gia, các vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, tổ chức và cá nhân nước ngoài trong hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá; tăng cường ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực về kết quả đánh giá sự phù hợp; khuyến khích các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp với tổ chức tương ứng của các nước, vùng lãnh thổ nhằm tạo thuận lợi cho phát triển thương mại giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ”.</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này, các Bên cam kết tăng cường hợp tác trong việc tạo thuận lợi cho thương mại, rằng các quy định của pháp luật và thủ tục đều nhằm thúc đẩy thuận lợi thương mại đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả quản lý.</p> <p>1. Cam kết Hợp tác để tạo thuận lợi thương mại. :</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Các trích dẫn ở cột 2 cho thấy pháp luật Việt Nam (VN) về QLCN đối với hàng hoá XK, NK quy định tương đối đầy đủ, đáp ứng hoàn toàn các cam kết tại khoản 1 Điều 1 Hiệp định. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thực hiện quy định về “công nhận lẫn nhau” hầu như chưa đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu là do các tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam (VN) và trình độ, phương tiện kỹ thuật của các tổ chức phân tích, giám định VN còn thấp so với mặt bằng của các nước tiên tiến nên khó đạt được thoả thuận công nhận lẫn nhau.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Trong khi chưa nâng cao được trình độ, phương tiện của các phòng thí nghiệm để đạt được sự công nhận của các nước khác, để tạo thuận lợi cho thương mại, đề nghị áp dụng biện pháp chủ động công nhận kết quả kiểm tra chất lượng của các nước tiên</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>- Luật An toàn thực phẩm (ATTP) số 55/2010/QH12 quy định tại khoản 5 Điều 4 (Chính sách của Nhà nước về an toàn thực phẩm): “5. Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ký kết điều ước, thoả thuận quốc tế về công nhận, thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực thực phẩm”.</p> <p>- Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 (Luật TCQCKT) quy định tại Điều 8 (Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật):</p> <p>“1. Nhà nước khuyến khích mở rộng hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, tổ chức, cá nhân nước ngoài về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; tranh thủ sự giúp đỡ của các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng và cùng có lợi.</p> <p>2. Nhà nước tạo điều kiện và có biện pháp thúc đẩy việc ký kết các thoả thuận song phương và đa phương về thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho việc phát triển thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ”.</p> <p>- Nghị định 127/2007/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành luật TCQCKT quy định tại khoản 4 Điều 4: “Nhà nước khuyến khích mở rộng hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ; tổ</p>	<p>tiến, công nhận chất lượng của những mặt hàng mang nhãn hiệu nổi tiếng. Kiến nghị này dựa trên một số tiền lệ:</p> <p>- Tiết đ, khoản 4, Điều 39 Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Luật Năng lượng) quy định: “Bộ Công thương có trách nhiệm quy định việc công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu”.</p> <p>- Điểm 1.đ phần III Nghị quyết 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 04 năm 2016 của Chính Phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia quy định: “Chủ động công nhận chất lượng của những nhãn hiệu, nhà sản xuất nổi tiếng, những hàng hóa được sản xuất tại các nước, khu vực có tiêu chuẩn chất lượng cao, tiên tiến (châu Âu, Mỹ, Nhật Bản...)”.</p> <p>2. Cam kết vừa đảm bảo quản lý nhà nước, vừa tạo thuận lợi cho thương mại:</p> <p>Đánh giá:</p> <p>- Các trích dẫn tại cột 2 (Khoản 3 Điều 5, khoản 12 Điều 8 Luật CLSPHH, Khoản 1 Điều 9 Luật TCQCKT, khoản 4 Điều 4 Luật Thú y) cho thấy một vấn đề có tính nguyên tắc của QLCN đối với hàng hoá XK, NK là vừa đảm bảo quản lý nhà nước, vừa tạo thuận lợi cho thương mại, bảo vệ người tiêu dùng, nghiêm cấm lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc hoạt động QLCN để cản trở bất hợp pháp, gây phiền hà, sách nhiễu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Tuy nhiên, những quy định về tạo thuận lợi cho thương mại trong lĩnh vực QLCN thường mới chỉ dừng ở một số quy định mang tính nguyên tắc, ít được quy định cụ thể nên hiệu quả thấp. Trong khi đó, các biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>chức quốc tế và khu vực; tổ chức, cá nhân nước ngoài về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; ký kết và thực hiện các hiệp định, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau song phương và đa phương về kết quả đánh giá sự phù hợp giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ; khuyến khích các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với tổ chức tương ứng của các nước, vùng lãnh thổ nhằm tạo thuận lợi cho phát triển thương mại giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ”.</p> <p>- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 (Luật KDTV) quy định tại khoản 4 Điều 5 (Chính sách của Nhà nước về hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật): “Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, bảo đảm nguồn lực để thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật; khuyến khích công nhận và thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật”.</p> <p>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 quy định tại Điều 11: “Điều 11. Hợp tác quốc tế về thú y 1. Nội dung hợp tác quốc tế về thú y bao gồm: a) Ký kết, gia nhập và thực hiện thỏa thuận, điều ước quốc tế trong lĩnh vực thú y mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; b) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong lĩnh vực thú y; c) Hỗ trợ</p>	<p>thường được quy định rất chi tiết, nhất là tại các thông tư. Chính vì vậy, trong hoạt động quản lý thực tế, việc tạo thuận lợi cho thương mại ít được quan tâm hơn nhiều so với việc tăng cường quản lý.</p> <p>- Các trích dẫn ở cột 2 cũng cho thấy, bên cạnh các quy định thuận lợi, vẫn còn nhiều quy định gây khó khăn không hợp lý cho thương mại. Một số ví dụ:</p> <p>+ Khoản 1 Điều 59 NĐ 38/2015/NĐ-CP quy định thời gian ký quỹ nhập khẩu phế liệu ít nhất 15 ngày trước khi làm thủ tục thông quan là không phù hợp các trường hợp nhập khẩu từ thị trường gần, thời gian vận chuyển ngắn (Hồng Kông 3 ngày, Nhật Bản 8 ngày). Quy định này đã làm tăng thời gian nợ ngân hàng của doanh nghiệp nhập khẩu.</p> <p>+ Việc không thống nhất giữa Thông tư 41/2015/TT-BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 31:2010/BTNMT về việc phế liệu thép nhập khẩu được hay không được ép thành khối, thành kiện, bánh gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.</p> <p>+ Quy định không hợp lý: khoản 4 Điều 2, Điều 11 NĐ 60/2014/NĐ-CP và Thông tư 16/2015/TT-BTTTT quy định chung về nhập khẩu thiết bị in mà không loại trừ các trường hợp in các sản phẩm không thuộc xuất bản phẩm, như in trên vải, gạch, nhựa... .</p> <p>+ Sự chồng chéo trong các quy định, trong phân công quản lý giữa các Bộ QLCN dẫn đến một mặt hàng bị điều chỉnh bởi nhiều văn bản, phải thực hiện nhiều thủ tục kiểm tra.</p> <p>Ví dụ như nồi cơm điện, quạt điện... vừa phải kiểm tra hiệu suất năng lượng (theo Quyết định 51/2011/QĐ-TTg), vừa kiểm tra chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với các thiết bị điện và điện tử (QCVN 4:2009/BKHCN); máy điều</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>nguồn lực”.</p> <p>2. Về vừa đảm bảo quản lý nhà nước, vừa tạo thuận lợi cho thương mại, các luật QLCN quy định như sau:</p> <p>- Luật CLSPHH quy định tại khoản 3 Điều 5 (Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá):</p> <p>“ Hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá phải bảo đảm...phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng”. Và:</p> <p>- Luật CLSPHH quy định tại khoản 12 Điều 8 (Những hành vi bị nghiêm cấm): Cấm “12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá để cản trở bất hợp pháp, gây phiền hà, sách nhiễu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân hoặc bao che hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá”.</p> <p>- Luật TCQCKT quy định tại khoản 1 Điều 9 (Những hành vi bị nghiêm cấm): Cấm “Lợi dụng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật để cản trở, gây phiền hà, sách nhiễu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại của tổ chức, cá nhân.”</p> <p>- Luật Thú y quy định tại khoản 4 Điều 4 (Nguyên tắc hoạt động thú y Nguyên tắc hoạt</p>	<p>hòa nhiệt độ, tủ lạnh, máy giặt vừa phải kiểm tra hiệu suất năng lượng (QĐ51/2011/QĐ-TTg), vừa phải kiểm tra chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về (tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng (QCVN 9: 2012/BKHCN)...Các mặt hàng trên vừa phải thực hiện các thủ tục kiểm tra chất lượng theo quy định của Bộ KHCN, vừa phải thực hiện các thủ tục kiểm tra hiệu suất và dán nhãn năng lượng theo quy định của Bộ Công thương, và cả hai thủ tục đều yêu cầu phải thử nghiệm (mỗi thủ tục phải nộp 1 mẫu sản phẩm để thử nghiệm).</p> <p>Và hàng loạt sự chông chéo giữa các Bộ QLCN về danh mục hàng hoá, gây rất nhiều khó khăn cho thương mại, như:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Giữa Bộ Công thương (Thông tư 08/2012/TT-BCT) và Bộ Giao thông vận tải (Thông tư 63/2011/TT-BGTVT): Các mặt hàng Cầu cầu tự hành, cần trục, cầu trục, cổng trục, xe nâng; . Giữa Bộ Công thương và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội: Các mặt hàng: Hệ thống điều chế và nạp khí, các mặt hàng khí hoá lỏng, khí hoà tan, bình chịu áp lực áp suất cao hơn 0,7 bar, nồi hơi, lò. . Giữa Bộ LĐTBXH và Bộ Công an: Mặt hàng “bình chữa cháy”. . Giữa Bộ BCT và Bộ KHCN: Mặt hàng Cáp điện phòng nổ bọc nhựa PVC. . Giữa Bộ GTVT và Bộ KHCN: Xe xi téc; . Giữa Bộ NNPTNT và BYT: Mặt hàng Tinh bột: kiểm dịch thực vật thuộc Bộ NNPTNT và kiểm tra ATTP thuộc BYT); Mặt hàng Sữa tươi: kiểm dịch động vật (Bộ NNPTNT), kiểm tra VS ATTP (BYT); . Giữa Bộ NNPTNT và BCT: Các Mặt hàng bột sữa, fomal: kiểm

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p><i>động thú y</i>): “Bảo đảm thuận lợi trong giao dịch thương mại đối với động vật, sản phẩm động vật; hài hòa lợi ích của Nhà nước, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.”</p> <p>- Luật ATTP quy định tại khoản 4 Điều 68: Hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm phải bảo đảm nguyên tắc: c) Không được sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm;</p> <p>Những quy định chưa thuận lợi cho thương mại:</p> <p>- Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu quy định tại khoản 1 Điều 59 (Quy trình ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu):</p> <p>“1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu phải thực hiện ký quỹ trước khi tiến hành thủ tục thông quan phế liệu nhập khẩu ít nhất 15 ngày làm việc”.</p> <p>- Nhập khẩu phế liệu thép sạch, ép thành bánh, khối để thuận tiện vận chuyển: QCVN 31:2010/BTNMT chỉ quy định cấm nhập khẩu “vỏ thùng phuy, bao bì, lon...mà chưa làm sạch”, không quy định cấm đóng thành bánh, ép thành khối, nhưng Thông tư 41/2015/TT-BTNMT lại quy định “...không được ép thành khối, không được ép thành kiện, bánh”, gây khó khăn cho DN.</p>	<p>dịch động vật (Bộ NNPTNT), kiểm tra ATTP (BCT).</p> <p>. Giữa các đơn vị thuộc Bộ NNPTNT: Mặt hàng thủy sản xuất khẩu vừa phải kiểm dịch động vật (do cơ quan thú y thực hiện), vừa phải kiểm tra chất lượng (do Nafiquad thực hiện)...</p> <p>Việc chỉ định tổ chức kiểm tra, đánh giá sự phù hợp theo quy định của Luật CLSPHH, Luật ATTP, Luật Năng lượng cũng gây không ít khó khăn cho hoạt động XNK. Ví dụ:</p> <p>. Việc kiểm tra chất lượng máy móc nông nghiệp (máy cày, máy kéo...) Cục chế biến nông, lâm, thủy sản và nghề muối, Bộ NNPTNT chỉ định duy nhất 1 đơn vị kiểm tra ở Hà Nội, gây rất nhiều khó khăn, tăng chi phí cho DN nhập khẩu ở nơi khác, nhất là các tỉnh miền Trung, phía Nam.</p> <p>. Việc thử nghiệm hiệu suất năng lượng mặt hàng “động cơ” Bộ Công thương chỉ định duy nhất Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 (Quatest 1). Nhưng bản thân Quatest 1 cũng không làm được việc này, phải nhờ nhà máy động cơ Việt – Hung (ở Đông Anh – Hà Nội) thực hiện gây rất nhiều khó khăn, tốn kém chi phí cho các DN nói chung, các DN ở miền Trung, miền Nam nói riêng.</p> <p>Đánh giá chung về cam kết vừa đảm bảo quản lý nhà nước, vừa tạo thuận lợi cho thương mại: Pháp luật QLCN đối với hàng hoá XK, NK có nhiều quy định đã đáp ứng yêu cầu của Hiệp định, đồng thời cũng còn nhiều quy định chưa tương thích Hiệp định ở khía cạnh tạo thuận lợi cho thương mại.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>- Đề nghị rà soát và điều chỉnh/bổ sung các quy định cụ thể nhằm giảm bớt các thủ tục chồng chéo, không có ý nghĩa, thừa, không hiệu quả...qua đó tạo thuận lợi cho thương mại đối với</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>-Nghị định 60/2014/NĐ – CP về hoạt động in quy định tại khoản 4 Điều 2 (Giải thích từ ngữ):</p> <p>” 4. Sản phẩm in là sản phẩm được tạo ra bằng công nghệ, thiết bị ngành in trên các loại vật liệu khác nhau, bao gồm: e) Bao bì, nhãn hàng hóa; g) Tài liệu, giấy tờ của tổ chức, cá nhân; h) Các sản phẩm in khác.</p> <p>Điều 11. Điều kiện hoạt động của cơ sở in:</p> <p>1. Cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải có đủ các điều kiện sau đây: e) Có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in.</p> <p>2. Cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm <i>không thuộc</i> quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải có đủ các điều kiện sau đây: b) Có người đứng đầu thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in.</p>	<p>hàng hoá XNK tại các văn bản pháp luật về QLCN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị sửa đổi quy định về thời gian ký quỹ nhập khẩu phế liệu quy định tại khoản 1 Điều 59 NĐ 38/2015/NĐ-CP theo hướng việc ký quỹ được thực hiện ngay sau khi vận tải đơn được phát hành hoặc trước khi làm thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hoá . - Đề nghị sửa Thông tư 41/2015/TT-BTNMT theo hướng bỏ quy định “ ...không được ép thành khối, không được ép thành kiện, bánh”, bởi phế liệu là hàng cồng kềnh, việc ép thành khối, kiện, bánh là cần thiết để tối ưu hoá việc vận chuyển, nhất là vận chuyển bằng công-te-nơ. - Đề nghị sửa quy định về điều kiện nhập khẩu thiết bị in quy định tại khoản 4 Điều 2, Điều 11 NĐ 60/2014/NĐ-CP và Thông tư 16/2015/TT-BTTTT theo hướng các quy định này không áp dụng cho trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá nhập khẩu thiết bị in để in trang trí trên bề mặt sản phẩm. - Đề nghị các Bộ QLCN phối hợp rà soát danh mục hàng hoá QLCN để khắc phục triệt để tình trạng một mặt hàng chịu sự quản lý của nhiều Bộ, một mặt hàng bị điều chỉnh bởi nhiều luật QLCN như đã nêu trên.

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>2. To this end, the Parties agree that legislation shall be non-discriminatory and that customs procedures shall be based upon the use of modern methods and effective controls to combat fraud and to promote legitimate trade.</p>	<p>1. Về “không phân biệt đối xử”:</p> <p>“Không phân biệt đối xử” luôn là một trong những nguyên tắc cơ bản của quản lý trong các luật QLCN. Cụ thể, các luật đã quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật CLSPHH quy định tại khoản 3 Điều 5 (<i>Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá</i>): <p>“Hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá phải bảo đảm minh bạch, khách quan, <i>không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hoá và tổ chức, cá nhân</i> có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá...”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật TCQCKT quy định tại khoản 3 Điều 6 (<i>Nguyên tắc cơ bản của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật</i>): <p>“Hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phải bảo đảm công khai, minh bạch, <i>không phân biệt đối xử</i> và không gây trở ngại không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại. Việc xây dựng tiêu chuẩn phải bảo đảm sự tham gia và đồng thuận của các bên có liên quan”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật TCQCKT quy định tại khoản 3 Điều 40 (<i>Yêu cầu cơ bản đối với đánh giá sự phù hợp</i>): <p>“Không phân biệt đối xử đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoặc nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình”.</p> <p>Tuy nhiên, pháp luật QLCN cũng có những</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này, các bên cam kết:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các quy định của pháp luật phải đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng. 2. Thủ tục thông quan phải được thực hiện trên cơ sở áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại, hiệu quả đảm bảo vừa kiểm soát được các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, vừa thúc đẩy phát triển thương mại hợp pháp. <p>(Chú ý: Tại khoản này nói riêng, trong toàn bộ báo cáo rà soát này nói chung, cụm từ “customs procedures” tại Hiệp định sẽ được hiểu theo nghĩa rộng là “thủ tục thông quan” với nội hàm bao gồm thủ tục hải quan và các thủ tục liên quan (cụ thể là thủ tục quản lý chuyên ngành đối với hàng hoá XK, NK). Lý do: Có hiểu như vậy thì các biện pháp tạo thuận lợi cho thương mại mới có ý nghĩa thực tế, còn nếu hiểu theo nghĩa hẹp “customs procedures” chỉ là thủ tục của cơ quan Hải quan thì, trong bối cảnh các vướng mắc về thủ tục thông quan hàng hoá hiện nay chủ yếu do thủ tục QLCN, thì sự thuận lợi đó không có ý nghĩa gì. Thủ tục hải quan thuận lợi, nhanh chóng, nhưng hàng hoá vẫn phải lưu kho bãi, vẫn không được đưa vào sản xuất, lưu thông thì sự thuận lợi, nhanh chóng đó cũng như không).</p> <p>1. Về cam kết “không phân biệt đối xử”:</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Các trích dẫn ở cột 2 (Khoản 3 Điều 5 Luật CLSPHH, Khoản 3 Điều 6 và Khoản 3 Điều 40 Luật TCQCKT) cho thấy không phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng là một trong những nguyên tắc cơ bản của các luật này.</p> <p>Bên cạnh đó, pháp luật QLCN cũng có những quy định có thể bị</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>quy định có dấu hiệu của sự phân biệt đối xử (xem trích dẫn và phân tích ở cột 3).</p> <p>2. Về áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại:</p> <p>Với nội dung như phân tích tại cột 3 thì hầu hết các luật QLCN hiện hành (bao gồm các luật CLSPHH, luật TCQCKT, Luật KDTV, luật Thú y, luật Năng lượng) không có quy định nào về áp dụng phương pháp quản lý hiện đại.</p> <p>Riêng hệ thống pháp luật về ATTP có một số quy định theo hướng áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra ATTP, là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 40 luật ATTP quy định 3 phương thức kiểm tra; và: - Điều 6 (Chỉ tiêu kiểm tra) Thông tư 12/2015/TT- BNNPTNT quy định căn cứ lịch sử tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp để kiểm tra, <p>Chi tiết sẽ được đề cập tại Điều 7 ở dưới.</p> <p>3. Về áp dụng các phương pháp quản lý hiệu quả:</p> <p><i>Các quy định có hiệu quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung, các luật QLCN hiện hành đã đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý nhà nước, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, an toàn xã hội, kiểm chế nhập siêu, giữ vững và mở rộng thị trường 	<p>coi là dấu hiệu của sự phân biệt đối xử giữa hàng hoá sản xuất trong nước và hàng hoá nhập khẩu. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật ATTP quy định (tại Chương III, Chương IV), đối với hàng hoá, sản phẩm <i>sản xuất, kinh doanh trong nước</i> chỉ cần công bố hợp quy, cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng các điều kiện quy định, <i>không quy định kiểm tra đối với từng lô hàng</i>. <p>Trong khi đó, đối với hàng <i>nhập khẩu</i> tiết a khoản 1 Điều 38 quy định: “a) Phải được đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi nhập khẩu” (tất cả mọi người NK phải thực hiện thủ tục này), tiết b, khoản 1 Điều 38 quy định hàng nhập khẩu “Phải được cấp “Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu” <i>đối với từng lô hàng</i>”; tiết b, khoản 1 Điều 40 quy định hàng nhập khẩu “Chỉ được thông quan khi có xác nhận kết quả kiểm tra thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu.”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật CLSPHH (Điều 29) quy định “Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trong <i>sản xuất</i> được tiến hành theo một trong các trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Hàng hoá xuất khẩu không bảo đảm chất lượng quy định tại Điều 32 của Luật này; b) Hàng hoá lưu thông trên thị trường không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật này”. <p>Quy định trên được cụ thể hoá tại tiết c khoản 3 Điều 5 Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau: “Việc kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm này được thực hiện <i>khi phát hiện có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng</i>”.</p> <p>Theo các quy định trên thì hàng hoá sản xuất trong nước chỉ phải kiểm tra chất lượng <i>trong những tình huống nhất định</i>,</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>xuất khẩu, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại. Điều này được thể hiện ở toàn bộ nội dung các luật, không phải một vài điều nên khó có thể trích dẫn tại đây, chỉ xin dẫn chiếu một số quy định đã đem lại hiệu quả rõ rệt, có thể đo lường được:</p> <p>- Điều 6 Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quy định về Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu rất đơn giản, chỉ gồm 2 -3 loại giấy tờ là: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật; Bản sao chụp hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp; Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép). Nếu so với 9 loại giấy tờ quy định tại Thông tư 65/2012/TT-BNNPTNT (Giấy đăng ký kiểm dịch; Bản khai kiểm dịch; Giấy chứng nhận KDTV do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp; Giấy phép KDTV nhập khẩu; Vận đơn; Phiếu đóng gói; Giấy ủy quyền; Hợp đồng mua bán; Thư tín dụng L/C) sẽ thấy rõ hiệu quả của quy định mới này.</p> <p>- Công văn số 1950/BVTV-KD ngày 29 tháng 09 năm 2015 của Cục Bảo vệ thực vật Bộ NNPTNT hướng dẫn thủ tục kiểm dịch đối với hàng xuất khẩu, tái xuất khẩu, theo đó “Chủ vật</p>	<p>không phải kiểm tra từng lô hàng.</p> <p>Trong khi đó, đối với hàng <i>nhập khẩu</i>, Điều 34 Luật quy định: “Điều 34. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hoá nhập khẩu</p> <ol style="list-style-type: none"> Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng... Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy... Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này khi nhập khẩu phải được... giám định tại cửa khẩu xuất hoặc cửa khẩu nhập. Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35 của Luật này”. <p>Quy định này được Thông tư số 27/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 quy định cụ thể (từ Điều 5 đến Điều 9) theo hướng chứng nhận hợp quy áp dụng đối với từng người NK,, việc kiểm tra áp dụng đối với <i>từng lô hàng</i> nhập khẩu. Là đơn vị chủ trì trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện Luật CLSPHH nên Thông tư 27/2012/TT-BKHHCN có vai trò là là thông tư mẫu, thông tư hướng dẫn nên thông tư của các Bộ QLCN khác cũng có quy định tương tự (Điều 18 Thông tư 27/2012/TT-BKHHCN quy định: “Căn cứ quy định tại Thông tư này, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi được phân công quản lý”).</p> <p>- Luật Năng lượng không trực tiếp quy định về vấn đề này, nhưng Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Bộ Công thương quy định: đối với <i>nhà sản xuất</i> “Giấy chứng nhận – GCN (dán nhãn năng lượng – chúng tôi chú thích) có thời hạn tối đa là 03 (ba) năm”, trong khi đối với hàng <i>nhập</i></p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>thể đăng ký với cơ quan kiểm dịch thực vật để được thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật theo quy định. <i>Cơ quan Hải quan không yêu cầu chủ vật thể nộp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật vào bộ hồ sơ lô hàng xuất khẩu</i>". Theo hướng dẫn này, kiểm dịch đối với thực vật xuất khẩu không phải là một thủ tục bắt buộc như trước đó, mà tùy theo yêu cầu của người xuất khẩu. Do không phải là thủ tục bắt buộc nên cơ quan Hải quan không yêu cầu chủ vật thể nộp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Đây tuy chỉ là một công văn nhưng là đã tháo gỡ một vướng mắc rất lớn, rất phổ biến lúc đó là doanh nghiệp luôn luôn phải nợ cơ quan Hải quan Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, nợ quá 10 ngày (rất thường xảy ra) thì bị phạt hành chính. Đồng thời, giảm cho doanh nghiệp được khoản phí kiểm dịch, trong nhiều trường hợp là rất lớn (ví dụ phí kiểm dịch thực vật đối với lô dăm gỗ, sắn lát...xuất khẩu, có thể tới vài chục triệu đồng).</p> <p>- Thông tư 52/2015/TT-BYT của Bộ Y tế quy định việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu và hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định cơ quan, đơn vị được Bộ Y tế chỉ định kiểm tra ATTP của đối với thực phẩm XK, NK vừa là đơn vị trực tiếp kiểm tra, vừa là đơn vị ban hành Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu đã bỏ được</p>	<p><i>khẩu</i> "Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho từng lô hàng nhập khẩu".</p> <p>- Thông tư 28/2012/TT-BKHCN quy định chi tiết thi hành luật TCQCKT quy định: trong thời hạn 3 năm (thời gian có giá trị hiệu lực của giấy Thông báo tiếp nhận công bố hợp chuẩn/hợp quy theo quy định tại Thông tư 28/2012/TT-BKHCN), một mặt hàng/mã hàng/model hàng sản xuất trong nước chỉ phải chứng nhận/công bố hợp chuẩn/hợp quy 1 lần, trong khi đó, một mặt hàng/mã hàng/model hàng nhập khẩu phải thực hiện thủ tục chứng nhận/công bố hợp chuẩn/hợp quy rất nhiều lần (có bao nhiêu người nhập khẩu thì bấy nhiêu lần phải thực hiện thủ tục chứng nhận/công bố hợp chuẩn/hợp quy). Vấn đề này càng được thể hiện rõ hơn tại rất nhiều các quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, theo đó, phương pháp thử nghiệm phổ biến đối với hàng nhập khẩu là phương pháp 7 (theo quy định tại tại Thông tư 28/2012/TT-BKHCN thì đây là phương pháp thử nghiệm, đánh giá đối với từng lô sản phẩm, hàng hoá) và tại Mẫu Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy (trong đó ghi rõ tên người công bố, tức chỉ có giá trị cho hàng hoá nhập khẩu của người đó).</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Để tránh nguy cơ bị xem là phân biệt đối xử giữa hàng hoá sản xuất trong nước và hàng hoá nhập khẩu, đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại các bản pháp luật trên theo hướng một mặt hàng/mã hàng/model hàng nhập khẩu chỉ phải làm thủ tục chứng nhận/công bố hợp chuẩn/hợp quy, kiểm tra chất lượng/ATTP, thử nghiệm hiệu suất năng lượng đối với lô hàng nhập khẩu đầu tiên. Nếu kết quả chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, đủ chất lượng nhập khẩu, đáp ứng yêu cầu về hiệu suất năng lượng thì</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>1 trong 2 bước kiểm tra của quy định trước đây (việc kiểm tra được thực hiện bởi 1 tổ chức được chỉ định, việc Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu do do 1 đơn vị khác là cơ quan có thẩm quyền của Bộ Y tế thực hiện. Trong khi đó Bộ KHCN và nhiều Bộ QLCN khác vẫn áp dụng quy trình 2 bước trong kiểm tra chất lượng hàng hoá XK, NK).</p> <p>- Nghị định 21/2012/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư 54/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT của Bộ GTVT quy định áp dụng khai báo điện tử trong thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cũng là những quy định mang lại hiệu quả rất lớn, thủ tục đơn giản, giảm một khối lượng rất lớn giấy tờ (trước đây, khối lượng giấy tờ phải nộp của mỗi chuyến tàu phải tính bằng bao tải).</p> <p>- Thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe gắn máy, xe đạp điện nhập khẩu được thực hiện qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định của Bộ GTVT cũng là một quy định rất có hiệu quả.</p> <p>Các quy định hiệu quả hạn chế:</p> <p>3.1 Về chứng nhận, công bố hợp quy:</p> <p>Luật TCQCKT:</p> <p>- Khoản 1 Điều 47 quy định: “Chứng nhận hợp quy được thực hiện bắt buộc đối với sản</p>	<p>kết quả đó được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Tổng cục Hải quan và Cổng thông tin một cửa quốc gia, có giá trị áp dụng cho tất cả các lô hàng cùng dòng sản phẩm nhập khẩu sau đó (của tất cả mọi người nhập khẩu) mà không phải làm lại thủ tục chứng nhận/công bố hợp chuẩn/hợp quy, kiểm tra chất lượng/ATTP.</p> <p>2. Về cam kết áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại trong lĩnh vực QLCN đối với hàng hoá xuất nhập khẩu:</p> <p>Theo Tổ chức Hải quan thế giới (WCO), “phương pháp quản lý hiện đại” được hiểu là phương pháp quản lý dựa trên các trụ cột chính là tổng hợp, phân tích thông tin, quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan.</p> <p>Theo cấu trúc của Hiệp định, Điều 1 này chỉ quy định về nguyên tắc chung là các Bên ký kết phải áp dụng phương pháp quản lý hiện đại trong thủ tục thông quan hàng hoá. Còn nội dung phương pháp quản lý hiện đại là gì sẽ được quy định cụ thể tại các Điều khác ở phía dưới. Việc đánh giá, phân tích chúng tôi cũng thực hiện theo cách cấu trúc đó, theo đó, phần đánh giá chung, tóm tắt về vấn đề này đã được nêu ở cột 2, các phân tích, đánh giá, đề xuất cụ thể sẽ được đề cập tại khoản 3 (kiểm tra sau thông quan) Điều 5 (Đơn giản hoá thủ tục thông quan) Điều 7 (Quản lý rủi ro ở phần dưới).</p> <p>3. Về cam kết áp dụng các phương pháp quản lý hiệu quả:</p> <p>Nói đến hiệu quả của các quy định trước hết phải nói đến sự cần thiết hợp lý của biện pháp áp dụng và so sánh giữa chi phí (của tất cả các bên liên quan, trước hết là người xuất nhập khẩu và cơ quan quản lý nhà nước) bỏ ra và kết quả mang lại có tương xứng không. Thực tế cho thấy, rất khó có thể đánh giá về hiệu quả của một thủ tục nếu chỉ xem xét trên văn bản. Tuy cũng có</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>phẩm, hàng hoá,... thuộc đối tượng quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng”.</p> <p>- Điều 48 quy định:</p> <p>“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố sản phẩm, hàng hoá... phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận sự phù hợp được chỉ định ... hoặc kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.</p> <p>Về thời hạn hiệu lực của công bố hợp chuẩn/hợp quy:</p> <p>Thông tư 28/2012/TT-BKHCN:</p> <p>- Tiết a, khoản 2 Điều 10 quy định: “...Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn có giá trị theo giá trị của giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp hoặc có giá trị 03 (ba) năm kể từ ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận báo cáo đánh giá hợp chuẩn (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp chuẩn)”.</p> <p>Tiết a, khoản 2 Điều 15 quy định: “...Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy có giá trị theo giá trị của giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức</p>	<p>những thủ tục mà hiệu quả của nó có thể nhận biết được ngay, nhưng phần nhiều các thủ tục muốn đánh giá được hiệu quả thì phải qua khảo sát thực tế áp dụng.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Ngoài đánh giá hiệu quả các quy định đã được nêu ở cột 2, nghiên cứu một cách hệ thống pháp luật QLCN thấy một hiệu quả lớn khác của pháp luật QLCN là tất cả các lĩnh vực cần quản lý đều đã có pháp luật điều chỉnh nên, về cơ bản, tránh được sự lúng túng, tùy tiện trong quản lý thực tế; nhìn chung, đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực; tạo được thuận lợi cho thương mại ở mức độ nhất định.</p> <p>Tuy nhiên, cũng còn không ít các quy định, do chưa <i>phù hợp thực tế</i> và có thể xem <i>quá mức cần thiết</i>, nên hiệu quả hạn chế, vừa chưa đáp ứng mục tiêu quản lý, vừa gây khó khăn cho thương mại.</p> <p>3.1 Đánh giá hiệu quả thực hiện quy định tại luật TCQCKT và Thông tư 28/2012/TT-BKHCN</p> <p>Theo quy định tại luật TCQCKT nói chung, tại các Điều 47, 48 (trích dẫn ở cột 2) nói riêng, mỗi sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố sản phẩm, hàng hoá đó phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Quy định này đúng, nhưng còn thiếu nên trở thành quá mức cần thiết khi áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu. Với sản phẩm, hàng hoá sản xuất trong nước, quy định này là phù hợp, bởi mỗi sản phẩm/mã hàng/model hàng chỉ được sản xuất bởi một nhà sản xuất, nên nó chỉ phải chứng nhận, công bố hợp quy một lần (có giá trị hiệu lực trong 3 năm theo quy định tại tiết a khoản 2 Điều 15 Thông tư 28/2012/TT-BKHCN). Đối với hàng hoá nhập khẩu thì khác: Một mặt hàng/model hàng của một nhà sản xuất nước</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>chứng nhận được chỉ định cấp hoặc có giá trị ba (03) năm kể từ ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận báo cáo đánh giá hợp quy (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy)”.</p> <p>3.2 Luật CLSPHH quy định tại khoản 4 Điều 34: “Hàng hóa nhập khẩu thuộc nhóm 2 <i>phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu</i>”. Các điều từ Điều 5 đến Điều 9 Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN quy định việc kiểm tra CLHH áp dụng đối với <i>từng lô hàng nhập khẩu</i>.</p> <p>Tiết b, khoản 1 Điều 38 luật ATTP quy định hàng nhập khẩu “Phải được cấp “Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu” <i>đối với từng lô hàng</i>”; tiết b, khoản 1 Điều 40 quy định hàng nhập khẩu “Chỉ được thông quan khi có xác nhận kết quả kiểm tra thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu.”</p> <p>Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT của Bộ Công thương về dán nhãn năng lượng quy định “Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho <i>từng lô hàng nhập khẩu</i>”.</p> <p>3.3 Khoản 15 Điều 3 Luật CLSHH quy định: “Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá... là việc cơ quan nhà nước <i>xem xét, đánh giá lại chất lượng sản phẩm, hàng hoá... đã được đánh giá chất lượng bởi các tổ chức đánh</i></p>	<p>ngoài được nhập khẩu bởi nhiều người ở Việt Nam, dẫn đến một mặt hàng/model hàng của cùng một nhà sản xuất, cùng lô sản xuất, cùng các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật nhưng về Việt Nam phải chứng nhận, công bố hợp quy rất nhiều lần. Để chứng nhận hợp quy, sản phẩm phải được thử nghiệm, có thể phải phá hủy, gây lãng phí lớn. Thủ tục hợp quy trên áp dụng đối với cả những mặt hàng công nghệ cao, có chất lượng cao, tiêu chuẩn thế giới, của các nhà sản xuất lớn, các nhãn hiệu nổi tiếng toàn cầu mà điều kiện, trình độ Việt Nam chưa thể sản xuất được, chưa thể kiểm tra được.</p> <p>Về thời hạn hiệu lực của công bố hợp chuẩn/hợp quy: Luật TCQCKT, Nghị định 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật TCQCKT không quy định thời hạn hiệu lực của công bố hợp chuẩn/hợp quy. Tuy nhiên, Thông tư 28/2012/TT-BKHCN lại quy định Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy có giá trị theo giá trị của giấy chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp hoặc có giá trị ba (03) năm (như trích dẫn ở cột 2) là không phù hợp và không cần thiết, gây tổn kém cho doanh nghiệp.</p> <p>Đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để khắc phục sự kém hiệu quả trên, kiến nghị bổ sung Luật TCQCKT theo hướng một mặt hàng/model hàng của cùng một nhà sản xuất nước ngoài, nếu thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, khi nhập khẩu vào Việt Nam chỉ phải làm thủ tục chứng nhận, công bố hợp quy một lần đối với lô hàng nhập khẩu đầu tiên, nếu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam thì các lần nhập khẩu sau (của tất cả mọi người nhập khẩu) không phải thực hiện lại thủ tục này. - Đề nghị bãi bỏ quy định về thời hạn hiệu lực của công bố hợp

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p><i>giá sự phù hợp...”.</i></p> <p>3.4 Một quy định vừa không phù hợp luật, vừa kém hiệu quả nữa là <i>thủ tục xác nhận khai báo hoá chất</i> quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ <i>sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP</i> ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Thông tư 40/2011/TT-BCT ngày 14/11/2011 của Bộ Công thương quy định khai báo hoá chất:</p> <p style="text-align: center;">Điều 43 luật Hoá chất số 06/2007/QH12 quy định về “Khai báo hóa chất” như sau:</p> <p>”1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất phải khai báo hóa chất với Bộ Công thương; tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất phải khai báo hóa chất với cơ quan chuyên môn quản lý hoạt động hóa chất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>2. Nội dung khai báo hóa chất bao gồm:</p> <p>a) Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất;</p> <p>b) Tên, số lượng và nguồn gốc xuất xứ hóa chất.</p> <p>3. ..</p> <p>4. Chính phủ quy định Danh mục hóa chất phải</p>	<p>chuẩn/hợp quy tại Điều 10 và Điều 15 Thông tư 28/2012/TT-BKHCN.</p> <p>3.2 Đánh giá hiệu quả thực hiện quy định về thủ tục kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu theo lô hàng</p> <p>Theo quy định tại Điều 34 Luật CLSPHH, Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN, điều 38 luật ATTP, Thông tư số 07/2012/TT-BCT (trích dẫn tại cột 2) thì thủ tục kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu phải được thực hiện đối với từng lô hàng dẫn đến một mặt hàng phải kiểm tra đi, kiểm tra lại nhiều lần, với thủ tục và kết quả kiểm tra y như đã làm với các lô hàng trước. Trong khi đó, theo kết quả khảo sát nhiều đơn vị Hải quan, nhiều doanh nghiệp trong 3 năm liền (từ 2014 đến 2016) của dự án USAID – GIG, tỷ lệ các trường hợp hàng hoá không đạt chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định chưa bao giờ tới 1% tổng số lô hàng được kiểm tra. Với kết quả đó, có thể nói quy định phải kiểm tra chuyên ngành đối với từng lô hàng là một quy định ít hiệu quả, quá mức cần thiết.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị sửa đổi các quy định trên theo hướng áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra chuyên ngành như phân tích tại Điều 7 dưới đây.</p> <p>3.3. Đánh giá hiệu quả thực hiện khoản 15 Điều 3 Luật CLSHH</p> <p>Căn cứ khoản 15 Điều 3 Luật CLSHH, Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN hướng dẫn luật này thì, để hoàn thành thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu, người nhập khẩu phải làm thủ tục tại 2 cơ quan, đơn vị là tổ chức giám định và cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng; Tổ chức giám định thực hiện việc giám định, kết luận về chất lượng hàng hoá; cơ quan kiểm tra</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>khai báo. <i>Bộ Công thương quy định biểu mẫu khai báo hóa chất</i> quy định tại Điều này”.</p> <p>Khoản 11 Nghị định 26/2011/NĐ-CP quy định:</p> <p>“2. c) <i>Trước khi thông quan</i> hóa chất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất có trách nhiệm thực hiện việc khai báo hóa chất với Bộ Công thương;</p> <p>d) <i>Thời hạn xác nhận khai báo hóa chất</i> nhập khẩu của Bộ Công thương là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này”.</p> <p>Thông tư 40/2011/TT-BCT quy định;</p> <p>“Điều 8. Một số tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất nhập khẩu trực tiếp quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP</p> <p>1. Hoá đơn mua bán hoá chất (invoice) quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 26/2011/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có hóa đơn mua bán hóa chất thì trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận có thể nộp hợp đồng mua bán hóa chất và hóa đơn dự kiến. Hoá đơn mua bán hoá chất chính thức có đóng dấu, ký tên của lãnh đạo doanh nghiệp được nộp tại thời điểm đến nhận Giấy xác nhận.</p> <p>2. Đối với hợp đồng mua bán hóa chất sử</p>	<p>chất lượng căn cứ kết quả giám định trên để ban hành thông báo lô hàng đạt/không đạt chất lượng nhập khẩu. Các đơn vị Hải quan và các doanh nghiệp đều cho rằng quy định cơ quan kiểm tra chất lượng ban hành thông báo chất lượng lô hàng là thừa, bởi kết quả giám định đã cho thấy rõ điều đó. Một số Bộ (ví dụ Bộ Y tế tại Thông tư 52/2015/TT-BYT, Bộ Công thương tại Thông tư 37/2-15/TT-BCT) cũng đồng quan điểm nên đã không áp dụng quy định này, mà quy định căn cứ kết quả của tổ chức giám định để thông quan hàng hoá.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị sửa đổi lại định nghĩa “kiểm tra nhà nước về chất lượng” theo hướng bãi bỏ việc kiểm tra chất lượng phải trải qua 2 bước, do 2 cơ quan, đơn vị tiến hành, mà quy định cơ quan, đơn vị kiểm tra đồng thời cũng là người ban hành thông báo hàng hoá đạt hay không đạt chất lượng nhập khẩu. Thông báo này chuyển thẳng tới Cổng thông tin một cửa quốc gia (NSW) trong trường hợp tổ chức thử nghiệm/giám định đã tham gia; hoặc chuyển trực tiếp tới cơ quan Hải quan cửa khẩu bằng đường điện tử trong trường hợp tổ chức thử nghiệm/giám định chưa tham gia NSW.</p> <p>3.4 Đánh giá hiệu quả thực hiện quy định về xác nhận khai báo hoá chất:</p> <p>Luật Hoá chất số 06/2007/QH12 chỉ có quy định về khai báo, mà không có quy định về xác nhận khai báo hoá chất (Nghị định 108/2008/NĐ – CP cũng không có quy định này). Mục đích khai báo hoá chất chỉ là để cơ quan quản lý nhà nước nắm được lượng từng loại hoá chất tồn đọng tại Việt Nam tại từng thời điểm. Khai báo hoá chất nhập khẩu không phải là xin phép nhập khẩu. Việc sau khi khai báo hoá chất phải được Bộ Công thương xác nhận như quy định tại quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>dụng cho nhiều lần nhập khẩu, từ lần nhập khẩu lô hàng tiếp theo của hợp đồng, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp hóa đơn mua bán hóa chất chính thức có đóng dấu, ký tên của lãnh đạo doanh nghiệp và bản photo Giấy xác nhận của lô hàng lần đầu có cùng hợp đồng...”</p> <p>Khoản 4 Điều 9: “Cấp Giấy xác nhận</p> <p>Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được bổ sung đầy đủ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, Cục Hóa chất cấp Giấy xác nhận...”.</p> <p>Về chế độ báo cáo, Điều 52 luật Hoá chất quy định:</p> <p>“1. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 01, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cấm có trách nhiệm gửi báo cáo sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cấm của năm trước đến bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Công thương”.</p> <p>Điều 18 Thông tư 40/2011/TT-BCT quy định:</p> <p>“2. Báo cáo tình hình hoá chất nhập khẩu:</p> <p><i>Định kỳ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, các doanh nghiệp nhập khẩu hoá chất theo hình thức khai báo hóa chất trực tiếp thực hiện chế độ báo</i></p>	<p>định số 26/2011/NĐ-CP và Thông tư 40/2011/TT-BCT của Bộ Công thương vô hình trung biến thủ tục này thành một loại giấy phép và trên thực tế, theo khảo sát của CIEM và GIG năm 2015 và 2016, để xin được xác nhận không phải đơn giản (một doanh nghiệp cho biết họ phải mất 10 – 12 ngày hoặc muốn nhanh hơn thì phải qua trung gian). Đây thực sự là một thủ tục không cần thiết, không có hiệu quả.</p> <p>Luật Hoá chất cũng không quy định, nhưng Thông tư 40/2011/TT-BCT lại quy định phải khai báo hoá chất nhập khẩu “trước khi thông quan” làm kéo dài thời gian thông quan thêm 7 ngày làm việc, tức 9 ngày theo lịch (như quy định tại Thông tư 40/2011/TT-BCT, thực tế thì như đã nêu trên).</p> <p>Luật Hoá chất quy định hàng năm doanh nghiệp chỉ phải báo cáo tình hình sản xuất, nhập khẩu, sử dụng <i>hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cấm</i>, nhưng Thông tư 40/2011/TT-BCT lại quy định doanh nghiệp nhập khẩu hoá chất theo hình thức khai báo hóa chất trực tiếp phải báo cáo <i>tất cả hóa chất nhập khẩu trong năm</i>, mặc dù họ đã phải khai báo từng lô hàng nhập khẩu.</p> <p>Đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bãi bỏ quy định xác nhận khai báo hoá chất quy định tại Nghị định 26/2011/NĐ-CP; - Đề nghị Bộ Công thương bãi bỏ quy định phải khai báo hoá chất trước khi thông quan, việc xác nhận khai báo hoá chất và chế độ báo cáo hàng năm đối với việc nhập khẩu hoá chất không thuộc danh mục cấm. <p>3.5 Đánh giá hiệu quả thực hiện thủ tục dán nhãn năng lượng:</p> <p>Theo quy định Điều 39 (Dán nhãn năng lượng) Luật Năng lượng, phương tiện, thiết bị nhập khẩu thuộc diện phải dán nhãn năng</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p><i>cáo về tình hình nhập khẩu hóa chất năm trước của đơn vị mình và gửi về Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) để theo dõi. Mẫu báo cáo tình hình nhập khẩu hóa chất theo quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này”.</i></p> <p>3.5 Điều 39 (Dán nhãn năng lượng) Luật Năng lượng quy định:</p> <p>“1. Phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị thực hiện việc dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.</p> <p>3. Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng được cấp sau khi phương tiện, thiết bị đã được thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tại phòng thử nghiệm”.</p> <p>Thủ tục đánh giá và cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng được quy định tại Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT như sau:</p> <p>“Điều 8. Trình tự thủ tục đánh giá và cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.</p> <p>Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục nêu ở Điều 1 Thông tư này tham gia chứng nhận và dán nhãn năng lượng (nhãn xác nhận hoặc nhãn so sánh) cần</p>	<p>lượng phải trải qua hai loại thủ tục: thủ tục thử nghiệm tại tổ chức thử nghiệm đủ điều kiện, được Bộ Công thương chỉ định; và thủ tục xin cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng tại một cơ quan của Bộ Công thương. Thủ tục xin cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng được cụ thể hoá tại Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT với 8 loại giấy tờ, hai bước thủ tục (đánh giá và cấp giấy) và 10 ngày làm việc (tức 12 ngày theo lịch) riêng cho việc đánh giá, còn thời gian cấp thì không ghi rõ là bao lâu. Trước khi làm thủ tục này, nhiều mặt hàng thuộc diện kiểm tra, dán nhãn hiệu suất năng lượng cũng đồng thời là hàng hoá Nhóm 2 theo quy định của luật CLSPHH nên đã phải làm thủ tục thử nghiệm để được chứng nhận hợp quy, đã phải kiểm tra chất lượng. Nghiên cứu quy định này (và trên thực tế theo phản ánh của doanh nghiệp) thấy việc đánh giá để cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng chủ yếu là căn cứ vào kết quả thử nghiệm, nhưng phải do một cơ quan khác tiến hành và mất ít nhất 12 ngày chờ đợi. Và, theo quy định tại khoản 4 Điều 8, “<i>Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho từng lô hàng nhập khẩu</i>” nên một mã hàng/model hàng được thử nghiệm, đánh giá đi, đánh giá lại rất nhiều lần. Đó thực sự là việc làm quá mức cần thiết, ít hiệu quả, nhất là đối với các phương tiện, thiết bị công nghệ cao, Việt Nam chưa có khả năng sản xuất, chưa đủ trình độ để kiểm tra, đánh giá.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>- Đề nghị sửa đổi Điều 39 Luật Năng lượng theo hướng: Sửa đổi thủ tục 2 bước “thử nghiệm” (khoản 3) và “cấp giấy chứng nhận dán nhãn” (khoản 2) thành quy trình 1 bước, theo đó, chỉ có bước “thử nghiệm”, bãi bỏ bước “cấp giấy chứng nhận”. Kết quả “thử nghiệm” là căn cứ để doanh nghiệp in và dán nhãn. Tổ chức thử nghiệm chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thử nghiệm</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>thực hiện các bước sau đây:</p> <p>1. Thử nghiệm mẫu điển hình: Doanh nghiệp tự lấy mẫu phương tiện, thiết bị; Số lượng và phương pháp lấy mẫu thử theo tiêu chuẩn tương ứng hoặc theo quy định của Bộ Công Thương và gửi tới tổ chức thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định để thử nghiệm theo tiêu chuẩn tương ứng để được cấp phiếu kết quả thử nghiệm.</p> <p>2. Lập hồ sơ và gửi về Tổng cục Năng lượng, hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Giấy đăng ký chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, trong đó nêu rõ doanh nghiệp đăng ký dán nhãn so sánh hay nhãn xác nhận theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo danh mục các loại phương tiện, thiết bị;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng);</p> <p>c) Bản sao của hợp đồng với các nhà cung cấp hàng hóa ở nước ngoài (đối với các nhà nhập khẩu) và Tờ khai hàng hóa nhập khẩu;</p> <p>d) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa;</p> <p>đ) Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bản sao có đóng dấu xác nhận của người đứng đầu doanh nghiệp), bản mô tả tóm tắt các thông số đặc trưng cơ bản của</p>	<p>của mình.</p> <p>- Đề nghị phối hợp 3 luật (nêu trên), khắc phục tình trạng một mặt hàng đồng thời phải trải qua nhiều loại kiểm tra như hiện nay.</p> <p>3.6 Đánh giá hiệu quả thực hiện Điều 7 và khoản 4 Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT về thủ tục dán nhãn năng lượng:</p> <p>Điều 39 Luật Năng lượng quy định “công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu” thì Điều 7 Thông tư 07/2012/TT-BCT quy định chỉ “Công nhận kết quả thử nghiệm của các tổ chức nước ngoài”...Sự không thống nhất đó gây rất nhiều khó khăn, làm hạn chế hiệu quả thực hiện luật.</p> <p>Khoản 4 Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT của Bộ Công thương quy định “Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho từng lô hàng nhập khẩu” tức là phải được dán trước khi thông quan là trái quy định “nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường” tại Điều 39 Luật Năng lượng.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>- Đề nghị Bộ Công thương sớm hướng dẫn việc “công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu” theo khoản 4 luật Năng lượng.</p> <p>- Đề nghị Bộ Công thương bãi bỏ quy định phải dán nhãn năng lượng trước khi thông quan và quy định “Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho từng lô hàng nhập khẩu” (thực tế thì Bộ Công thương đã sửa lại quy định này, nhưng bằng hình thức một công văn, chưa phù hợp nguyên tắc ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p> <p>3.7 Đánh giá hiệu quả thực hiện quy định về thoả thuận công nhận lẫn nhau:</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>phương tiện, thiết bị;</p> <p>e) Kết quả thử nghiệm do Tổ chức thử nghiệm được chỉ định cấp có thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp;</p> <p>g) <i>Hồ sơ, tài liệu</i>, quy trình quản lý chất lượng của doanh nghiệp;</p> <p>h) <i>Hồ sơ, chứng chỉ</i> quản lý chất lượng liên quan.</p> <p>Đối với trường hợp đại lý nộp thay cho nhà sản xuất ở nước ngoài, đại lý phải xuất trình Giấy ủy quyền. Trường hợp các hồ sơ, tài liệu nêu trên bằng tiếng nước ngoài thì <i>phải dịch sang tiếng Việt và có công chứng</i>.</p> <p>3. Đánh giá chứng nhận</p> <p>e) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đăng ký chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị, Tổng cục Năng lượng xem xét hồ sơ, đánh giá năng lực doanh nghiệp, sự phù hợp của hồ sơ, kết quả thử nghiệm so với tiêu chuẩn đánh giá; xác định mức tiêu thụ năng lượng so với các tiêu chuẩn đã công bố;</p> <p>f) Sau khi có kết quả đánh giá hồ sơ phù hợp, Tổng cục Năng lượng đánh giá thực tế các doanh nghiệp đăng ký tham gia dán nhãn năng lượng và ra quyết định chứng nhận phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng.</p> <p>4. Cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng</p>	<p>Một quy định khá phổ biến trong pháp luật QLCN là quy định về đẩy mạnh ký kết điều ước, thoả thuận quốc tế về công nhận, thừa nhận lẫn nhau trong các lĩnh vực QLCN (luật nào cũng có như trích dẫn tại cột 2 Điều 1 ở trên). Tuy nhiên, đây lại là một quy định mang lại rất ít hiệu quả. Do trình độ công nghệ, trình độ chuyên môn, máy móc, thiết bị của Việt Nam tại thời điểm hiện tại còn khoảng cách lớn so với các nước tiên tiến, các hãng nổi tiếng nên đặt vấn đề được họ công nhận kết quả kiểm tra của ta là khó. Hay nói cách khác, quy định này rất kém hiệu quả.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Trong bối cảnh nêu trên, một mặt, đẩy mạnh hơn nữa việc thoả thuận, ký kết công nhận lẫn nhau về chứng nhận chất lượng hàng hoá với các nước, các tổ chức/phòng thí nghiệm nước ngoài, mặt khác, thực hiện giải pháp chủ động công nhận chất lượng công bố của nhà sản xuất, các nhãn hiệu nổi tiếng và kết quả kiểm tra các tổ chức giám định, các phòng thí nghiệm nước ngoài như quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Năng lượng và điểm 1.d phần III Nghị quyết 19 – 2016/NQ-CP.</p> <p>3.8 Sự chông chéo về danh mục hàng hoá thuộc diện điều chỉnh của nhiều luật QLCN dẫn đến một mặt hàng phải thực hiện đồng thời nhiều thủ tục QLCN đã gây rất nhiều khó khăn, tốn rất nhiều thời gian và chi phí của DN.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Các Bộ QLCN phối hợp rà soát, sửa đổi danh mục hàng hoá QLCN theo hướng một mặt hàng chỉ chịu điều chỉnh của 1 luật, do một Bộ quản lý, khắc phục tình trạng chông chéo về danh mục hàng hoá chịu QLCN</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>lượng</p> <p>Trường hợp kết quả hồ sơ đánh giá đạt yêu cầu:</p> <p>a) Đối với doanh nghiệp nhập khẩu, Bộ Công Thương quyết định cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị được đăng ký.</p> <p>Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho từng lô hàng nhập khẩu. Các lô nhập tiếp theo có cùng xuất xứ, cùng địa chỉ nhà máy sản xuất, không có thay đổi về kỹ thuật làm ảnh hưởng đến các yêu cầu chứng nhận, Doanh nghiệp nhập khẩu nộp hồ sơ báo cáo Tổng cục Năng lượng để Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận mới. Nếu có sự thay đổi về xuất xứ hàng hóa hoặc địa điểm nhà máy sản xuất hoặc model hoặc thiết kế kỹ thuật thì phải đánh giá, chứng nhận lại;</p> <p>b) Đối với nhà sản xuất, Bộ Công Thương quyết định cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng. Giấy chứng nhận có thời hạn tối đa là 03 (ba) năm. Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này. Ba tháng trước khi hết hiệu lực của giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ chứng nhận lại”.</p>	<p>3.9 Đánh giá hiệu quả tổ chức thực hiện:</p> <p>Nói đến sự kém hiệu quả không thể không nói đến (hay chính xác hơn là trước hết phải nói đến) việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật. Ngoài những quy định bản thân nó đã có vấn đề về hiệu quả như đã nêu trên, ngay cả khi quy định đơn giản thì khi thực hiện cũng trở thành phức tạp, kém hiệu quả. Ví dụ:</p> <p>Về thủ tục công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các Điều 9, 10, 14, 15 Thông tư 28/2012/TT-BKHCN quy định chỉ từ 3 – 6 loại giấy tờ, thời gian tối đa chỉ 8 ngày nhưng thực tế thực hiện phức tạp hơn nhiều. Khảo sát liên ngành tháng 8/2016 do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương CIEM chủ trì, Dự án Quản trị nhà nước về tăng trưởng toàn diện USAID – GIG hỗ trợ cho thấy thủ tục công bố hợp chuẩn/hợp quy vô cùng phức tạp, hồ sơ nộp luôn bị coi là không đủ, không hợp lệ, phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần, thời gian kéo dài hàng tháng, có trường hợp tới vài tháng. Điều rất đáng lưu ý rằng đây chỉ là thủ tục công bố sau khi đã có chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức đánh giá sự phù hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định theo những điều kiện và thủ tục hết sức ngặt nghèo, chặt chẽ.</p> <p>Tương tự, chỉ là việc xin cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng sau khi đã có kết quả thử nghiệm đạt mức tiêu thụ năng lượng quy định, hoặc chỉ là khai báo để cơ quan quản lý biết về loại và lượng hoá chất nhập khẩu, nhưng doanh nghiệp phải mất rất nhiều thời gian và chi phí của doanh nghiệp.</p> <p>Nói chung, khâu tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật QLCN nói riêng là một yếu điểm cố hữu trước nay.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
		<p>Đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị các Bộ QLCN tăng cường việc kiểm tra, thanh tra công vụ để chấn chỉnh tinh thần làm việc, thái độ phục vụ của công chức. - Đề nghị các Bộ tăng cường áp dụng thủ tục điện tử, nhất là thực hiện thủ tục QLCN qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để hạn chế việc tùy tiện của công chức. <p>3.10 Đánh giá so sánh giữa chi phí và hiệu quả QLCN:</p> <p>Hiệu quả hạn chế của nhiều quy định QLCN càng rõ hơn khi so sánh tỷ lệ các trường hợp hàng hoá không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định (chưa đến 1% tổng số tờ khai phải kiểm tra như đã nêu ở trên) với chi phí và thời gian mà doanh nghiệp phải trả cho công việc này.</p> <p>Về chi phí: Rất khó điều tra chính xác được tổng chi phí mà các doanh nghiệp phải chi trả, nhưng có thể dựa trên kết quả tổng hợp của Hải quan TP. Hồ Chí Minh 6 tháng cuối năm 2015 về số lượng tờ khai nhập khẩu phải làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành tại địa bàn này (830486 tờ khai) và kết quả khảo sát của GIG năm 2015 và năm 2016 về mức chi phí kiểm tra chuyên ngành <i>tối thiểu</i> cho một tờ khai (chỉ tính 200 000 đồng/tờ khai kiểm dịch, 2 triệu đồng/tờ khai kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm, hiệu suất năng lượng), có thể ước tính năm 2015 các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá qua địa bàn TP. Hồ Chí Minh phải chi trả khoảng 1091 tỷ đồng cho kiểm tra chuyên ngành (chưa kể phí chứng nhận/công bố hợp quy – vốn không ít hơn phí kiểm tra, phí cấp giấy phép và các loại giấy tương tự chưa rõ nên chưa tính ở đây). Tạm tính số lượng tờ khai hàng hoá nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành qua địa bàn 32 tỉnh, thành phố còn lại chỉ bằng 50% số lượng làm thủ tục qua địa</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
		<p>bàn TP. Hồ Chí Minh thì tổng số tờ khai trong cả nước sẽ là 1 245 729 tờ, tổng chi phí mà các doanh nghiệp nhập khẩu trong cả nước đã chi trả cho thủ tục kiểm tra chuyên ngành năm 2015 là 1 636 tỷ đồng.</p> <p>Về thời gian: Chỉ tính thời gian tối thiểu để hoàn thành thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành cho một lô hàng là 2 ngày thì năm 2015, riêng hàng nhập khẩu làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành tại địa bàn TP. HCM, các doanh nghiệp đã phải mất 830 486 TK x 2 ngày = 1 660 972 ngày, nếu tính cả nước sẽ là (830 486 x 50% x 2 ngày) + 1660 972 ngày = 2 491 458 ngày.</p>
<p>Article 3. Customs and legislative procedures</p>		
<p>1. The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall be based upon:</p> <p>(a) international instruments and standards applicable in the area of customs and trade, including the substantive elements of the Revised Kyoto Convention on the</p>	<p>Nghị định 187/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại:</p> <p>Điều 8. Công bố danh mục hàng hóa theo mã số HS và điều chỉnh danh mục hàng hóa quy định tại các Phụ lục I, Phụ lục II.</p> <p>1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thống nhất với Bộ Công Thương về danh mục hàng hóa và thống nhất với Bộ Tài chính về mã số HS để công bố mã số HS của hàng hóa theo mã số HS trong Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này, các Bên cam kết các quy định và thủ tục thông quan phải tuân thủ: các chuẩn mực quốc tế (Công ước Kyoto sửa đổi về đơn giản hoá và hài hoà thủ tục hải quan, Công ước quốc tế về hài hoà và mã hoá hàng hoá, Khung tiêu chuẩn về an ninh và tạo thuận lợi cho thương mại, tờ khai mẫu của Tổ chức Hải quan thế giới); bảo vệ thương mại hợp pháp thông qua việc quản lý sự tuân thủ; không phân biệt đối xử mà vẫn tạo được thuận lợi hơn cho những doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật, chống buôn lậu và gian lận thương mại; áp dụng một cách cân đối các biện pháp, thủ tục quản lý đảm bảo không phân biệt đối xử, không gây chậm trễ việc giải phóng hàng hoá.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Trong khoản 1 Điều 3 Hiệp định, các cam kết liên quan đến QLCN đối với hàng hoá XK, NK gồm: tuân thủ “Công ước HS”,</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>Simplification and Harmonisation of Customs Procedures, the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System (hereinafter referred as “HS Convention”), the Framework of Standards to Secure and Facilitate Global Trade of the World Customs Organisation and the Customs Data Model of the World Custom Organization; ((b) the protection of legitimate trade through effective enforcement and compliance of legislative requirements; (c) legislation that</p>	<p>Luật Hải quan số 54/2014/QH13.</p> <p>Điều 26. Trên cơ sở Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành do Chính phủ quy định, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mã số hàng hóa thống nhất với mã số thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.</p> <p>Điểm 1.d phần III Nghị quyết 19-2016/NQ-CP : “Ban hành Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng đơn giản hóa, chi tiết hóa, mã hóa danh mục”.</p> <p>Điểm 1.c phần III Quyết định 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính Phủ <i>Phê duyệt Đề án Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu:</i> “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ QLCN phối hợp với BTC định kỳ rà soát hàng năm các danh mục hàng hoá phải kiểm tra chuyên ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung những mặt hàng có thay đổi, phát sinh trên thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Các danh mục hàng hoá thuộc đối tượng</p>	<p>không phân biệt đối xử, áp dụng quản lý rủi ro.</p> <p>Vấn đề không phân biệt đối xử đã được đánh giá ở Điều 1. Vấn đề QLRR sẽ được đánh giá ở Điều 7. Ở đây chỉ đánh giá về vấn đề tuân thủ “Công ước HS” trong lĩnh vực QLCN.</p> <p>Các trích dẫn tại cột 2 cho thấy các văn bản pháp luật Việt Nam liên quan đến QLCN đã quy định đầy đủ, rõ ràng hàng hoá thuộc Danh mục hàng hóa cấm XK, cấm NK, Danh mục hàng hóa XK, NK theo giấy phép, Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, tên hàng phải kèm theo mã số HS. Như vậy, pháp luật QLCN đối với hàng hoá XK, NK của Việt Nam đã đáp ứng hoàn toàn với cam kết tại khoản 1 Điều 3 Hiệp định.</p> <p>Đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay vẫn còn một số Bộ chưa ban hành đầy đủ mã HS của các mặt hàng thuộc danh mục QLCN của ngành mình, đề nghị sớm thực hiện việc này. - Trong danh mục QLCN của mình, ngoài những mặt hàng có tên hàng, mã HS cụ thể, còn có cả mã không có tên hàng cụ thể, chỉ có mã HS là “loại khác”. Đây là một mã hàng không rõ ràng, rất dễ giải thích tùy tiện, thường gây tranh cãi giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Đề nghị các Bộ QLCN loại bỏ mã hàng “loại khác” trong danh mục quản lý của ngành mình. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh mặt hàng cần thiết phải quản lý thì ban hành văn bản bổ sung. - Tổ chức Hải quan thế giới thường có điều chỉnh, bổ sung mã HS trong Danh mục hàng hoá. Tuân thủ “Công ước HS” và căn cứ các vấn đề phát sinh trong thực tế áp dụng, Danh mục hàng hoá XK, NK Việt Nam cũng thường có sự điều chỉnh, bổ sung tên gọi, mã số một số mặt hàng. Mỗi khi có sự điều chỉnh, bổ sung đó, đề

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>avoids unnecessary or discriminatory burdens on economic operators, that provides for further facilitation for operators with high levels of compliance, and that ensures safeguards against fraud and illicit or damageable activities;</p> <p>(d) measures, procedures and remedies shall be proportionate and nondiscriminatory and in their application shall not unduly delay the release of goods;</p>	<p>kiểm tra chuyên ngành phải được ban hành kèm theo mã HS thống nhất với Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Danh mục biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành do Bộ Tài chính ban hành”.</p> <p>Một loạt văn bản của các Bộ QLCN quy định danh mục hàng hoá kèm mã HS. Một số ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 41/2015/TT-BCT của Bộ Công thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định 4758/QĐ-BNN-TY ngày 18/11/2015 của Bộ NNPTNT Ban hành Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch. - Quyết định số 5481/QĐ-BNN-CN ngày 30/12/2015 Ban hành Danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu. - ... 	<p>nghị các Bộ QLCN kịp thời điều chỉnh, bổ sung danh mục, mã HS các mặt hàng thuộc diện QLCN của ngành mình để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch của các quy định, thuận tiện cho việc thực hiện.</p>
<p>2. In order to improve working methods, as well as</p>	<p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.</p> <p>Điều 170. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này các cam kết liên quan đến QLCN đối với hàng hoá XK, NK gồm: Cam kết đơn giản hoá và thường xuyên rà soát, sửa</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>to ensure non-discrimination, transparency, efficiency, integrity and accountability of operations, the Parties shall:</p> <p>(a) simplify and review requirements and formalities wherever possible; in respect of the rapid release and clearance of goods, inter alia allowing the release of goods, without the payment of customs duties, subject to the provision of a guarantee, if required, according to legislation of the Parties, in order to secure the final payment of customs duties.</p> <p>b) work towards the further simplification and</p>	<p>phạm pháp luật</p> <p>1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>2. Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản. Hoạt động hệ thống hóa văn bản phải được tiến hành định kỳ, kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực.</p> <p>Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật:</p> <p>Điều 19. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ tiêu chuẩn quốc gia</p> <p>1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức rà soát tiêu chuẩn quốc gia định kỳ</p>	<p>đối các thủ tục QLCN; đơn giản hoá chuẩn hoá các dữ liệu và hồ sơ, chứng từ trong thủ tục QLCN.</p> <p>Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đơn giản hoá thủ tục, hồ sơ đã được phân tích, đánh giá cụ thể tại Điều 1. - Vấn đề thường xuyên rà soát, sửa đổi các quy định, thủ tục nhằm đáp ứng yêu cầu không phân biệt đối xử, minh bạch, hiệu quả, thống nhất, có thể định lượng được: <p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 đã có các quy định này (Điều 170). Pháp luật QLCN cũng tuân thủ quy định đó. Ngoài ra, riêng trong lĩnh vực QLCN, vấn đề này còn được quy định tại một loạt các văn bản pháp luật như trích dẫn tại cột 2 khoản này và tại điểm 1.c phần III Quyết định 2026/QĐ-TTg như đã trích dẫn tại cột 2 khoản 1 Điều này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đơn giản hoá, chuẩn hoá các dữ liệu và hồ sơ, chứng từ trong thủ tục QLCN gắn liền với việc ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi dữ liệu điện tử nên sẽ được phân tích, đánh giá cụ thể tại khoản 4 Điều 5. <p>Đánh giá chung: pháp luật QLCN đã hoàn toàn tương thích cam kết tại khoản này.</p> <p>Đề xuất: Các Bộ QLCN có các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các quy định này.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>standardisation of data and documentation required by customs and other agencies;</p>	<p>ba năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày tiêu chuẩn được công bố.</p> <p>Điều 35. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>1. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức rà soát quy chuẩn kỹ thuật định kỳ năm năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày ban hành.</p> <p>Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật:</p> <p>Điều 25. Quy định về kiểm dịch thực vật</p> <p>2. Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành các danh mục sau đây: a) Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; b) Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam; c) Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật; d) Danh mục đối tượng phải kiểm soát.</p> <p>Nghị định 187/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại:</p> <p>Điều 8. Công bố danh mục hàng hóa theo mã số HS và điều chỉnh danh mục hàng hóa quy định tại các Phụ lục I, Phụ lục II.</p> <p>2. Việc điều chỉnh danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này do Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Công Thương sau khi có ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>ngành.</p> <p>Thông tư 52/2015/TT-BYT:</p> <p>3. Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy chế kiểm tra nhà nước về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.</p> <p>Thông tư 41/2015/TT-BCT:</p> <p>Điều 4. Hiệu lực thi hành</p> <p>2. Thông tư này thay thế Thông tư 08/2012/TT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.</p> <p>Thông tư 23/2016/TT-BCT:</p> <p>Điều 1. Bãi bỏ Thông tư số 37/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may.</p>	
<p>Article 4 release of goods.</p> <p>Each Party shall ensure that its</p>	<p>Tóm tắt Mục tiêu Thời gian thông quan hàng hoá của Nghị quyết 19 – 2016/NQ-CP:</p> <p>Thời gian thông quan hàng hóa: Năm 2016, tối đa 10 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, 12</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại Điều này, các Bên cam kết áp dụng các biện pháp để giải phóng hàng nhanh, cho phép nộp tờ khai điện tử và xử lý tờ khai trước khi hàng đến để hàng hoá có thể được giải phóng</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>customs shall apply requirements and procedures that:</p> <p>1. provide for the release of goods within a period no greater than that required to ensure compliance with its customs and other trade-related laws and formalities. Each party shall work to further reduce release times and release the goods without undue delay;</p> <p>2. provide for advance electronic submission and eventual processing of information before physical arrival of goods, so-called pre-arrival processing, to enable the release of goods on arrival.</p>	<p>ngày đối với hàng hóa nhập khẩu; mục tiêu đến năm 2020, dưới 36 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu, 41 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT:</p> <p>Tóm tắt Điều 18. Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra ATTP</p> <p>1. Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra ATTP cho các lô hàng nhập khẩu trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký hoặc kể từ khi có kết quả phân tích đạt hoặc kể từ khi có kết quả phân tích đạt yêu cầu của phòng kiểm nghiệm.</p> <p>2. Thông báo lô hàng không đạt yêu cầu ATTP trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra lô hàng không đạt yêu cầu.</p> <p>3. Thời gian từ khi lấy mẫu, gửi mẫu, kiểm nghiệm và trả lời kết quả tối đa không quá 10 ngày làm việc</p> <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP:</p> <p>Tóm tắt Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia</p> <p>1. Người khai hải quan khai thông tin, nộp chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông qua một hệ thống thông tin tích hợp</p>	<p>ngay khi đến cảng.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>- Về thời gian giải phóng hàng: Các trích dẫn ở cột bên cho thấy pháp luật QLCN và pháp luật Hải quan đều đã có quy định cụ thể về thời gian thông quan hàng hoá theo hướng hàng hoá sẽ được giải phóng sớm nhất có thể (ngay sau khi hồ sơ được nộp đầy đủ hoặc ngay sau khi có kết quả thí nghiệm). Ngoài quy định tại các văn bản pháp luật, Chính phủ đã 3 năm liền có Nghị quyết về vấn đề này (các Nghị quyết 19-2014/NQ-CP, 19-2015/NQ-CP, 19-2016/NQ-CP). Mục tiêu mà Nghị quyết Chính phủ đặt ra bám sát cam kết về thời gian thông quan hàng hoá tại các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như TPP, EVFTA. Trong các Nghị quyết trên, ngoài việc đặt ra mục tiêu rất cao, Chính Phủ cũng đề ra hàng loạt giải pháp cụ thể để đạt mục tiêu đó, như áp dụng nguyên tắc QLRR, kiểm tra sau thông quan, áp dụng thông lệ quốc tế, chủ động công nhận chứng nhận chất lượng của các nước, các nhà sản xuất có công nghệ tiên tiến...Việc Chính phủ có Nghị quyết về vấn đề này cho thấy sự quan tâm và quyết tâm rất cao của Chính phủ đối với vấn đề giải phóng hàng nhanh. Trên thực tế, một số Bộ đã có những quy định bám sát mục tiêu của Nghị quyết, như Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT, Thông tư 52/2015/TT-BYT...Các Bộ khác cũng đang tích cực sửa đổi các quy định hiện hành để đạt mục tiêu của Nghị quyết.</p> <p>- Về nộp tờ khai điện tử: Vấn đề này đã được quy định tại Quyết định 48/2011/QĐ-TTg ngày 31/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia (NSW) và Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan. Hiện nay, đã có 9 Bộ QLCN tham gia thực hiện một số thủ tục QLCN qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Việc ứng dụng</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>(dưới đây gọi là Cổng thông tin một cửa quốc gia)..</p> <p>2. Các cơ quan nhà nước tiếp nhận và xử lý thông tin của người khai hải quan; phản hồi kết quả xử lý cho người khai hải quan; trao đổi thông tin khai thủ tục hành chính và kết quả xử lý thông tin khai thủ tục hành chính giữa các cơ quan nhà nước với nhau thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>3. Người khai hải quan tiếp nhận kết quả xử lý từ các cơ quan nhà nước thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>Tóm tắt Điều 8. 2. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm ban hành thủ tục hành chính để thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia; xây dựng bộ dữ liệu hành chính và thương mại quốc gia áp dụng cho các chứng từ điện tử trao đổi, thực hiện theo Cơ chế một cửa quốc gia.</p> <p>Tóm tắt khoản 1 Điều 33... Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra <i>đồng thời</i> đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh...</p> <p>2. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan, trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp giấy đăng ký kiểm tra hoặc ngày lấy mẫu kiểm tra chuyên ngành...</p> <p>Thông tư liên tịch 89/2016/TTLT-BCT-BTC:</p>	<p>công nghệ thông tin trong thủ tục QLCN đang là xu hướng chung của tất cả các Bộ, nhiều Bộ đang trong quá trình triển khai thí điểm, một số Bộ đã quy định chính thức trong Thông tư như Bộ Công thương trong Thông tư liên tịch số 89/2016/TTLT-BCT-BTC giữa Bộ Công thương và Bộ Tài chính, Thông tư 52/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.</p> <p>- <i>Về nộp và xử lý tờ khai trước khi hàng đến:</i> Đối với tờ khai hải quan, Điều 25 Luật Hải quan quy định người khai được nộp tờ khai trước khi hàng đến và tờ khai có giá trị làm thủ tục hải quan trong thời hạn 15 ngày. Trong lĩnh vực QLCN, việc nộp tờ khai trước khi hàng đến cũng đã thành thông lệ, nhưng chỉ Bộ có quy định chính thức bằng văn bản tại điều 8 Thông tư 52/2015/TT-BYT.</p> <p>Đánh giá chung: Pháp luật QLCN Việt Nam đối với hàng hoá XK, NK đã đáp ứng đầy đủ cam kết tại Điều 4 Hiệp định về giải phóng hàng nhanh, khai điện tử, nộp tờ khai trước khi hàng đến.</p> <p>Tuy đã có quy định trong văn bản pháp luật, nhưng trong thực tế, thời gian hoàn thành thủ tục QLCN còn khá dài và khá xa mục tiêu của Nghị quyết 19-2016/NQ-CP (trừ lĩnh vực kiểm dịch thực vật đã đạt mục tiêu). Theo khảo sát liên ngành tháng 8/2016 do CIEM chủ trì, thời gian hoàn thành thủ tục QLCN tại một số nơi (TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Định, Cần Thơ...) từ 13 – 19 ngày. Việc thực hiện thủ tục QLCN qua Cổng thông tin một cửa quốc gia còn rất hạn chế về số lượng doanh nghiệp, số lượng thủ tục (vấn đề này sẽ được phân tích, đánh giá cụ thể ở khoản 4 Điều 5).</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị các Bộ QLCN:</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>Tóm tắt Điều 19. Tiếp nhận và phản hồi thông tin khai</p> <p>Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai điện tử theo thời gian 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần.</p> <p>Thông tư 52/2015/TT-BYT:</p> <p>Tóm tắt Điều 8. Trình tự kiểm tra.</p> <p>1. Trước khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra tại cơ quan kiểm tra hoặc Cổng thông tin điện tử quốc gia theo cơ chế một cửa quốc gia...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn chỉnh thêm một bước về thủ tục QLCN trên cơ sở bám sát yêu cầu, mục tiêu của Nghị quyết 19-2016/NQ-CP về thủ tục và thời gian thông quan hàng hoá. - Có quy định chính thức về việc doanh nghiệp được khai báo trước khi hàng đến cửa khẩu để đáp ứng yêu cầu minh bạch. - Tích cực hơn nữa trong việc tham gia thực hiện thủ tục QLCN thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. - Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ để chấn chỉnh tinh thần, trách nhiệm của công chức, viên chức trong thực hiện thủ tục QLCN.
<p>Article 5 Simplified Customs Procedures</p>		
<p>1. Each Party shall provide for simplified customs procedures that are transparent and efficient in order to reduce costs and increase predictability for economic operators, including for small and medium sized enterprises. Easier</p>	<p>Tóm tắt khoản 1 Điều 35 Luật CLSPHH quy định trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hoá như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra gồm 5 loại giấy tờ; b) Xem xét tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ; c) Tiến hành kiểm tra; d) Thông báo kết quả kiểm tra; đ) Xử lý vi phạm”. <p>Tóm tắt Điều 6 Thông tư 27/2012/TT - BKHCN quy định hồ sơ đăng ký kiểm tra chất</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này, các bên cam kết quy định thủ tục thông quan đơn giản, rõ ràng, hiệu quả để các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp nhỏ, vừa cũng như doanh nghiệp ưu tiên, có thể giảm và tiên lượng được mức chi phí khi thực hiện các thủ tục này.</p> <p>1. Về đơn giản hoá thủ tục QLCN:</p> <p>Thủ tục đơn giản có thể được hiểu là thủ tục phải ít bước, ít giấy tờ, cách thức nộp hồ sơ, nhận kết quả thuận tiện nhất, qua ít bộ phận xử lý nhất, thời gian nhanh nhất, chi phí thấp nhất...</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Ở cột 2 đã trích dẫn quy định về thủ tục QLCN thuộc 4 lĩnh vực</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>access to customs simplifications shall also be provided for authorised traders according to objective and non-discriminatory criteria.</p>	<p>lượng hàng hóa nhập khẩu: Ngoài các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 luật CLSPHH, còn thêm nhóm “Các tài liệu khác có liên quan; Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn (<i>Bill of Lading</i>); hóa đơn (<i>Invoice</i>); tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (<i>C/O-Certificate of Origin</i>) (nếu có); ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa; mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có)”, tổng cộng hơn 10 loại giấy tờ. Thông tư cũng quy định hình thức giấy tờ (bản photo, bản sao có xác nhận của người nhập khẩu, bản sao có chứng thực, bản chính...), số lượng bản từng loại.</p> <p>Tóm tắt Điều 8 Thông tư 27/2012/TT - BKHCN quy định trình tự, thủ tục và xử lý trong quá trình kiểm tra:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra. 2. Tiến hành kiểm tra: <ol style="list-style-type: none"> a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra đáp ứng yêu cầu chất lượng, gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng; b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp: Trường hợp hàng hóa không đáp ứng 	<p>QLCN chính là quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch và dán nhãn năng lượng. Các trích dẫn đã cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về hồ sơ: Chỉ có một số rất ít văn bản quy định hồ sơ đơn giản, như chỉ có 1 loại giấy (Điều 16 Thông tư 12/2012/TT-BNNPTNT) hoặc 2 - 3 loại giấy (Điều 6 Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT), còn đa số các văn bản quy định rất nhiều giấy tờ thường là từ 7 - 10 loại (Điều 6 Thông tư 27/2012/TT - BKHCN, Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT...). - Về hình thức giấy tờ: Nhiều văn bản (Điều 6 Thông tư 27/2012/TT - BKHCN, Điều 9 Thông tư 28/2013/TT-BCT, Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT, khoản 3 Điều 16 Thông tư 48/2011/TT-BCT, Điều 7 Thông tư 52/2015/TT-BYT...) quy định phải nộp bản sao chứng thực, bản sao công chứng, gồm cả các loại giấy tờ không thể chứng thực hay công chứng được như các chứng từ thương mại giao dịch bằng điện tử, không có chữ ký, con dấu sống (vận tải đơn, bản kê chi tiết, hợp đồng...). - Về cách nộp hồ sơ: Đa số là thủ công, nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện. - Về thủ tục: Nhìn chung là chưa đơn giản. Theo quy định của luật CLSPHH, mỗi người nhập khẩu hàng hoá Nhóm 2 bắt buộc phải thực hiện thủ tục chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy. Do vậy, một mặt hàng/mã hàng/model hàng phải thực hiện thủ tục này rất nhiều lần. Ngoài chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, mỗi khi mặt hàng/mã hàng/model hàng đó được nhập khẩu lại phải làm thủ tục kiểm tra chất lượng cho từng lô. Thủ tục kiểm tra chất lượng bao gồm 2 giai đoạn: công đoạn thử nghiệm/giám định do tổ chức thử nghiệm/giám định được chỉ định thực hiện và công đoạn kiểm tra nhà nước, cấp thông báo đạt hay không đạt chất lượng nhập khẩu do cơ quan của các Bộ QLCN thực hiện.

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p><i>yêu cầu về nhãn</i>, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu, yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có <i>chứng chỉ chất lượng không phù hợp</i>, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi cơ quan Hải quan và người nhập khẩu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để xử lý theo thẩm quyền.</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 25 ngày làm việc., quá thời hạn thì người nhập khẩu phải có văn bản nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành.. - Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thời gian bổ sung, hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra, nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi người nhập khẩu và cơ quan Hải quan, đồng thời chủ trì tiến hành kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu. <p>Tóm tắt Khoản 2 Điều 9 Thông tư 27/2012/TT – BKHCN quy định Áp dụng biện</p>	<p>Với quy định tại Điều 8 Thông tư 27/2012/TT – BKHCN như trích dẫn tại cột 2, để hoàn thành thủ tục nhập khẩu 1 lô hàng, doanh nghiệp phải trải qua 7 bước (chưa bao gồm thủ tục chứng nhận, công bố hợp quy - một thủ tục mất rất nhiều thời gian, chi phí và cũng không đơn giản, nếu không muốn nói là khá phức tạp, đã phải thực hiện trước đó). Do thủ tục hợp quy chỉ phải thực hiện đối với lô hàng nhập khẩu đầu tiên và kết quả có giá trị 3 năm nên không tính vào thủ tục cho tất cả mọi lô hàng) được mô tả như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Đăng ký kiểm tra chất lượng tại một cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) được phân công. 2) Đăng ký tờ khai hải quan. 3) Lấy mẫu, đưa mẫu tới tổ chức giám định được cơ quan nhà nước chỉ định để thử nghiệm/giám định. 4) Nhận kết quả thử nghiệm/giám định. 5) Nộp kết quả thử nghiệm/giám định cho cơ quan QLNN để cập tại bước 1. 6) Nhận thông báo kết luận của cơ quan QLNN về chất lượng lô hàng. 7) Nộp thông báo nêu ở bước 6 cho cơ quan Hải quan để hàng hoá được thông quan. <p>Mô tả trên cho thấy, riêng cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) về chất lượng doanh nghiệp phải tới 3 lần, ở ba thời điểm khác nhau.</p> <p>- Về thời gian: Trừ thời gian kiểm dịch thực vật tương đối ngắn (1 – 2 ngày) và</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>pháp tăng cường kiểm tra:</p> <p>Đối với hàng hóa nhập khẩu có khiếu nại, tố cáo hoặc có nghi ngờ về kết quả đánh giá sự phù hợp, ngoài việc thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại Điều 7 và trình tự kiểm tra theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này, cơ quan kiểm tra tiến hành lấy mẫu để thử nghiệm đối với hàng hóa đó.</p> <p>Mục V, Phụ lục II Nghị định 187/2013/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hoá XK, NK theo giấy phép và thuộc diện QLCN của Bộ Thông tin và truyền thông (Bộ TTTT):</p> <ul style="list-style-type: none"> - XK: Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch). - NK: <ol style="list-style-type: none"> 1. Các loại ấn phẩm (sách, báo, tạp chí, tranh, ảnh, lịch). 2. Tem bưu chính, ấn phẩm tem bưu chính và các mặt hàng tem bưu chính. 3. Thiết bị Viba, thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần số nằm trong khoảng từ 9KHz đến 400 GHz, công suất từ 60mW trở lên. 4. Hệ thống chế bản và sắp chữ chuyên dùng ngành in. 5. Máy in các loại (máy in offset, máy in Flexo, máy in ống đồng) và máy photocopy màu. 	<p>trường hợp được áp dụng phương thức kiểm tra giảm – rất hiếm khi doanh nghiệp được áp dụng phương thức này (2 ngày theo khoản 2 Điều 8 Thông tư 52/2015/TT-BYT, 3 ngày theo khoản 2 Điều 8 Thông tư 27/2012/TT-BKHCN), còn thời gian kiểm tra chất lượng, kiểm tra ATTP, hiệu suất năng lượng đều từ dài đến rất dài. Đó là chưa tính thời gian công bố hợp quy thường rất dài (7 đến 30 ngày theo quy định tại Điều 4 Nghị định 38/2012/NĐ-CP, thực tế còn dài hơn).</p> <p>- Về chi phí: Đề nghị xem đánh giá tại Điều 10 Hiệp định ở phần dưới.</p> <p>Đánh giá chung: Với các quy định như đã trích dẫn, rất khó có thể khẳng định dứt khoát về mức độ đơn giản của thủ tục QLCN hiện hành đã tương thích hay chưa tương thích cam kết tại Hiệp định. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào mục tiêu của cam kết này là tạo thuận lợi cho thương mại và những gì diễn ra trong thực tế áp dụng các quy định trên thì có thể nói thủ tục QLCN đối với hàng hoá XK, NK hiện nay chưa đạt mức đơn giản cần thiết.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị các Bộ QLCN sửa đổi các quy định để đơn giản hoá các thủ tục còn rườm rà, phức tạp nêu trên. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị giảm mạnh chủng loại, số lượng giấy tờ phải nộp, xuất trình khi xin giấy phép và làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành, đặc biệt là đề nghị bãi bỏ các loại giấy tờ không chứa đựng thông tin về chất lượng hàng hoá, như B/L, invoice, packing list... quy định tại Điều 6 Thông tư 27/2012/TT - BKHCN, Điều 7 Thông tư 52/2015/TT-BYT, Điều 9 Thông tư 28/2013/TT - BCT, Điều 11 Thông tư 37/2105/TT-BCT..., Xin nêu một số tiền lệ để thấy đề xuất này là hoàn toàn khả thi: Từ năm 2014 trở về trước, trong hồ sơ thủ tục kiểm dịch thực

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>Tóm tắt Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BTTTT có hàng trăm dòng hàng, trong đó đa số loại hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa QLCN của Bộ TTTT quy định tại Nghị định:</p> <p>1, Phân nhóm 7017.10.10 - - Ống thạch anh dùng trong lò phản ứng và vòng kẹp được thiết kế để chèn vào lò luyện khuếch tán và lò ôxi hóa để sản xuất tấm bán dẫn mỏng;</p> <p>2, Phân nhóm 7020.00.20 - - Ống thạch anh dùng trong lò phản ứng và vòng kẹp được thiết kế để chèn vào lò luyện khuếch tán và lò ôxi hóa để sản xuất tấm bán dẫn mỏng;</p> <p>3, Hơn 70 dòng hàng thuộc nhóm 8415 Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt;</p> <p>4, Hàng chục dòng hàng thuộc nhóm 8418 Máy làm lạnh, máy làm đông lạnh và thiết bị làm lạnh hoặc thiết bị đông lạnh khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15...</p> <p>Tóm tắt Điều 40 Luật ATTP quy định trình tự, thủ tục và phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu.</p> <p>1. a) Chỉ được đưa về kho bảo quản chờ hoàn</p>	<p>vật bao gồm 9 loại giấy tờ, trong đó có các giấy tờ trên. Nhưng từ năm 2015, Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT của Bộ NNPTNT đã bãi bỏ các giấy tờ này, hồ sơ chỉ còn 2 loại giấy. Tương tự, Điều 16 Thông tư 12/2015/TT - BNNPTNT quy định về hồ sơ đăng ký kiểm tra ATTP lô hàng nhập khẩu đối với hàng hoá thông thường chỉ gồm 1 loại là “Giấy đăng ký kiểm tra ATTP”, đối với hàng hóa có chứa thành phần biến đổi gen và hàng hóa đã qua chiếu xạ thì có thêm giấy tờ khác, hoàn toàn không có các giấy tờ không chứa đựng các thông tin về chất lượng thực phẩm.</p> <p>- Đề nghị áp dụng thủ tục điện tử thay cho thủ tục thủ công, theo đó, hồ sơ, giấy tờ được nộp bằng bản mềm, qua đường điện tử. Hạn chế tới mức tối thiểu yêu cầu công chứng, chứng thực giấy tờ, nhất là những loại giấy tờ không thể công chứng, chứng thực như đã nêu trên. Chỉ một số rất ít các loại giấy tờ, các trường hợp phải là bản chính, bản cứng công chứng, chứng thực (ví dụ như giấy phép).</p> <p>- Hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng một việc do nhiều cơ quan/tổ chức thực hiện, hoặc một cơ quan/tổ chức thực hiện nhiều việc nhưng tại nhiều thời điểm khác nhau để giảm bớt các bước thủ tục và việc đi lại của doanh nghiệp. Cụ thể, nhiều doanh nghiệp và cả các cơ quan Hải quan cho rằng việc quy định một tổ chức thử nghiệm/giám định chất lượng, một cơ quan Nhà nước cấp thông báo kết luận về chất lượng là không cần thiết, chỉ là hình thức, không thực chất, bởi cơ quan cấp giấy thông báo kết luận về chất lượng hoàn toàn dựa trên kết quả giám định/thử nghiệm của tổ chức giám định. Nói cách khác, việc thông báo kết quả không tạo thêm giá trị nào cho kiểm soát Nhà nước về chất lượng hàng hóa trong khi lại tạo thêm một thủ tục cho doanh nghiệp. Từ vướng mắc trên thực tiễn này và căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật CLSPHH (về miễn,</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>thành việc thông quan khi có giấy đăng ký kiểm tra an toàn thực phẩm;</p> <p>b) Chỉ được thông quan khi có xác nhận kết quả kiểm tra thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu.</p> <p>2. Phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm bao gồm: a) Kiểm tra chặt; b) Kiểm tra thông thường; c) Kiểm tra giảm.</p> <p>Tóm tắt Điều 4 Nghị định 38/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm quy định thủ tục Tiếp nhận bản công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.</p> <p>1. Bộ Y tế tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố hợp quy và công bố phù hợp đối với: thực phẩm chức năng; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; các sản phẩm nhập khẩu là thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm.</p> <p>3. Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy.</p> <p>4 và 5. Trong vòng 15 ngày làm việc (với thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng là 30 ngày) kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	<p>giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng), đề nghị bãi bỏ các bước thủ tục cấp thông báo kết luận về chất lượng hàng hoá, thực phẩm cũng như việc cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng. Cụ thể là bãi bỏ quy định này tại Điều 6, Điều 7 Thông tư 27/2012/TT-BKHHCN, tiếp đó các Thông tư trong các văn bản của các Bộ QLCN liên quan tới Thông tư 27 cũng được bãi bỏ tương ứng. (Trên thực tế, đã có Bộ bỏ bước này, quy định kết quả giám định có giá trị để thông quan hàng hoá, ví dụ, Bộ Y tế quy định tại Thông tư 52/2015/TT-BYT về kiểm tra an toàn thực phẩm; quy định của Bộ NNPTNT về kiểm dịch và an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng phân bón hữu cơ...).</p> <p>- Đề nghị quy định rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo yêu cầu tại Nghị quyết 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020, thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới năm tối đa 10 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, 12 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu, năm 2020 là dưới 36 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu, 41 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>2. Về sự rõ ràng trong thủ tục QLCN:</p> <p>Thủ tục rõ ràng phải là thủ tục có quy định cụ thể về các công việc mà các bên liên quan phải làm, trình tự thực hiện; chủng loại, số lượng các giấy tờ và hình thức giấy tờ phải nộp/xuất trình; địa chỉ tiếp nhận và giải quyết công việc; thời gian hoàn thành và nhận kết quả; phí phải trả; và nhất là phải xuất phát từ quy định của luật nội dung.</p> <p>Đánh giá mức độ rõ ràng của thủ tục QLCN hiện hành:</p> <p>Đối chiếu với các quy định được trích dẫn ở cột 2 khoản 1 Điều</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>phải cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp..</p> <p>Trường hợp không cấp Giấy Xác nhận, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản lý do không cấp.</p> <p>6. Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm có trách nhiệm thông báo công khai các sản phẩm đã được cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm trên trang thông tin điện tử (website) của mình và trên phương tiện thông tin đại chúng khi có yêu cầu.</p> <p>Tóm tắt Điều 5 NĐ 38/2012/NĐ - CP quy định về hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật:</p> <p>1. Hồ sơ Công bố hợp quy gồm 4 loại:</p> <p>a) Bản công bố hợp quy; b) Bản thông tin chi tiết sản phẩm; c) Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp; d) Chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn HACCP hoặc ISO 22000 hoặc tương đương.</p> <p>2. Hồ sơ Công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá gồm 7 loại giấy tờ:</p> <p>a) Bản công bố hợp quy; b) Bản thông tin chi tiết về sản phẩm; c) Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm trong vòng 12 tháng, do các Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định/ công nhận/ thừa nhận cấp ; d) Kế hoạch kiểm soát chất lượng; đ) Kế hoạch giám</p>	<p>5 này và các trích dẫn ở cột 2 các điều khác, nhìn chung, pháp luật QLCN hiện hành đã đáp ứng yêu cầu rõ ràng của Hiệp định. Có thể thấy rõ điều đó qua một ví dụ cụ thể là Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT của Bộ NNPTNT <i>Hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.</i></p> <p>Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định về thủ tục có thể xem là chưa thật rõ ràng. Sự không rõ ràng này thể hiện ở ít nhất là 02 dạng: Một là mâu thuẫn giữa quy định trong văn bản cấp trên và văn bản hướng dẫn; Hai là thủ tục không rõ về các bước, các thời hạn...</p> <p>Dưới đây là một số ví dụ:</p> <p>Về Thông tư 37/2015/TT-BCT:</p> <p>Các trích dẫn ở cột 2 cho thấy Luật CLSPHH và Nghị định 132/2008/NĐ-CP không có bất cứ quy định nào giao Bộ Công thương quản lý, kiểm tra chất lượng các sản phẩm dệt may nhập khẩu, cũng có nghĩa là chủng loại hàng hoá này không thuộc danh mục hàng hoá Nhóm 2. Mặc dù vậy, ở phần căn cứ ban hành, Bộ Công thương đã ghi là căn cứ vào các văn bản trên để ban hành các Thông tư 32/2009/TT-BCT và Thông tư 37/2015/TT-BCT quy định việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may và áp dụng phương thức quản lý hàng hoá Nhóm 2 đối với chủng loại hàng này. Các Thông tư này đã gây nhầm lẫn cho người thực hiện, nhất là các ngành dệt may, da giày, thời trang, trong một thời gian rất dài (tròn 7 năm, từ ngày 05/11/2009 đến ngày 26/11/2016 – ngày có hiệu lực của Thông tư 23/2016/TT-BCT về Bãi bỏ Thông tư 37/2015/TT-BCT) với những khó khăn, chi phí, thời gian rất lớn. Sự nhầm lẫn tới mức trong suốt thời gian dài đó, không ai trong số những đối tượng phải thực hiện phát hiện sai sót đó, cứ nghiêm chỉnh</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>sát định kỳ; e) Báo cáo đánh giá hợp quy; g) Chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn HACCP hoặc ISO 22000 hoặc tương đương.</p> <p>Tóm tắt Điều 6 NĐ 38/2012/NĐ - CP về Hồ sơ công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật:</p> <p>1. Đối với sản phẩm nhập khẩu, hồ sơ gồm 9 loại giấy tờ:</p> <p>a) Bản công bố phù hợp; b) Bản thông tin chi tiết về sản phẩm; c) Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm trong vòng 12 tháng, do các Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định/công nhận/thừa nhận cấp; d) Kế hoạch giám sát định kỳ; đ) Mẫu nhãn sản phẩm; e) Mẫu sản phẩm hoàn chỉnh đối với sản phẩm lần đầu tiên nhập khẩu vào Việt Nam để đối chiếu khi nộp hồ sơ; g) Giấy đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận pháp nhân; h) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở nhập khẩu thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; i) Chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn HACCP hoặc ISO 22000 hoặc tương đương.</p> <p>2. Đối với sản phẩm sản xuất trong nước...</p> <p>3. Đối với thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng nhập khẩu, hồ sơ gồm 11 loại giấy tờ:</p>	<p>thực hiện.</p> <p>Về Thông tư 15/2014/TT-BTTTT ngày 17/11/2014 của Bộ Thông tin Truyền thông “<i>ban hành Danh mục hàng hóa theo mã số HS thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông</i>”:</p> <p>Đây là trường hợp không thống nhất giữa thủ tục thực hiện và nội dung của Nghị định Một trong những căn cứ ban hành Thông tư này là Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ “<i>quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài</i>”.</p> <p>Theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II của Nghị định 187/2013/NĐ-CP, phạm vi quản lý chuyên ngành của Bộ TTTT chỉ gồm một (01) loại hàng hóa xuất khẩu và năm (05) loại hàng hóa nhập khẩu. Tuy nhiên, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BTTTT có hàng trăm dòng hàng, trong đó đa số là loại hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa QLCN của Bộ TTTT quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP.</p> <p>Thông tư này đã bị phản ứng mạnh mẽ từ phía các doanh nghiệp và cơ quan Hải quan. Tuy nhiên, đến nay Bộ TTTT vẫn chưa sửa đổi Thông tư này, mà chỉ có một công văn giải thích rằng Thông tư không áp dụng cho hàng hoá XK, NK. Giải thích này không thuyết phục bởi một trong những căn cứ để ban hành Thông tư này chính là Nghị định 187/2013/NĐ-CP – một văn bản quy định về hoạt động thương mại, việc Thông tư quy định mã HS cũng chính là yêu cầu của Nghị định này và tại Điều 3 Thông tư cũng ghi rõ “<i>tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm thông tin và truyền thông tại Việt Nam chịu trách</i></p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>a) Bản công bố phù hợp; b) Bản thông tin chi tiết về sản phẩm; c) Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp; d) Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm trong vòng 12 tháng, do các Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định/công nhận/thừa nhận cấp; đ) Kế hoạch giám sát định kỳ; e) Nhãn sản phẩm; g) Mẫu sản phẩm hoàn chỉnh; h) Giấy đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận pháp nhân đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực phẩm; i) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở nhập khẩu thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; k) Chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn HACCP hoặc ISO 22000 hoặc tương đương; l) Thông tin, tài liệu khoa học chứng minh về tác dụng của mỗi thành phần tạo nên chức năng đã công bố.</p> <p>4. Đối với thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng sản xuất trong nước...</p> <p>Tóm tắt Điều 7 Thông tư 52/2015/TT-BYT của Bộ Y tế <i>Quy định việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu và hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế:</i></p> <p>Hồ sơ đăng ký kiểm tra ATTP NK gồm 7 loại giấy tờ:</p>	<p><i>nhiệm thi hành Thông tư này”.</i></p> <p>Trên thực tế Thông tư này hiện nay hầu như không được thực hiện. Điều này cũng cho thấy sự hạn chế trong hiệu quả của Thông tư này.</p> <p>- Về thủ tục “thử nghiệm” trong kiểm tra chất lượng hàng hoá quy định tại Thông tư 48/2011/TT-BCT:</p> <p>Tiết b khoản 2 Điều 27 Luật CLSPHH quy định: “b.Thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng <i>khi cần thiết</i>”, nhưng khoản 4 Điều 21 Thông tư 48/2011/TT-BCT của Bộ Công thương lại quy định: “b. <i>Thử nghiệm</i> mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng”. Theo quy định của Luật CLSPHH thì việc “thử nghiệm” chỉ áp dụng “khi cần thiết”, còn theo quy định tại Thông tư 48/2011/TT-BCT thì mọi trường hợp đều phải thử nghiệm. Hai quy định này khác xa nhau, dẫn tới mâu thuẫn giữa Thông tư hướng dẫn và Luật liên quan.</p> <p>- Về thời điểm khai báo hoá chất nhập khẩu, thủ tục xác nhận khai báo hoá chất nhập khẩu, về chế độ báo cáo việc nhập khẩu hoá chất quy định tại Nghị định 26/2011/NĐ-CP và Thông tư 40/2011/TT-BCT đều là những quy định không phù hợp quy định của Luật Hoá chất. Các vấn đề này đã được phân tích đánh giá tại khoản 2 Điều 1, không nhắc lại ở đây.</p> <p>- Về kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Thông tư 09/2016/TT-BQP: Theo quy định của Luật Hải quan, đây là chức năng, thẩm quyền của cơ quan Hải quan. Tuy nhiên, khoản 2 (<i>Công tác kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ đội Biên phòng cửa khẩu</i>) Điều 12 Thông tư 09/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng lại quy định: “a) Kiểm tra đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu: ...Bộ đội Biên phòng</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>1. Giấy đăng ký kiểm tra ; 2. Hồ sơ công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm; 3. Thông báo được áp dụng phương thức kiểm tra giảm (nếu có). 4. Giấy ủy quyền (nếu có). 5. Danh mục hàng hóa (Packing list). 6. Bản sao có chứng thực và có xác nhận của chủ hàng: Vận đơn (Bill of Lading); hóa đơn (Invoice).</p> <p>Tóm tắt Điều 8 Thông tư 52/2015/TT – BYT về trình tự kiểm tra gồm 7 bước:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra ; 2. Cơ quan kiểm tra xem xét hồ sơ. 3. Kiểm tra giảm: Trong thời gian tối đa 02 (hai) ngày làm việc, cơ quan kiểm tra cấp Thông báo kết quả xác nhận đạt hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu. 4. Kiểm tra theo phương thức thông thường và phương thức kiểm tra chặt: <ol style="list-style-type: none"> a) Trong thời gian tối đa 02 (hai) ngày làm việc, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm lấy mẫu để kiểm tra. b) Trong thời gian 06 (sáu) ngày làm việc đối với kiểm tra thông thường và 08 (tám) ngày làm việc đối với kiểm tra chặt, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và cấp Thông báo kết quả. 5. Trường hợp mặt hàng không đạt yêu cầu NK thì phải ghi rõ các biện pháp xử lý, thông 	<p>cửa khẩu kiểm tra các loại giấy tờ liên quan đến chủ hàng, doanh nghiệp và hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật. b) Kiểm tra thực tế hàng hoá, đảm bảo an ninh quốc gia: Kiểm tra sự phù hợp giữa thực tế hàng hoá với hồ sơ hàng hoá...”. Quy định này đã gây nhầm lẫn cho các đơn vị Biên phòng, sau khi cơ quan Hải quan đã kiểm tra hồ sơ, kiểm tra hàng hoá, lực lượng Biên phòng lại kiểm tra lần nữa. Tình trạng này gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp.</p> <p>- Những quy định chưa rõ ràng, thống nhất trong Thông tư 07/2012/TT-BCT của Bộ Công thương <i>quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng</i>:</p> <p><i>.Về việc nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng: khoản 2 Điều 8 quy định: “2. Lập hồ sơ và gửi về Tổng cục Năng lượng”, nhưng trang web www.tcnl.gov.vn của Tổng cục năng lượng hướng dẫn: “Quy trình và thời gian giải quyết hồ sơ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>. Bước 1: Doanh nghiệp mang hồ sơ đến nộp tại Phòng 502, Tòa nhà Tổng cục Năng lượng 23 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội</i> <i>. Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ và nhập thông tin hồ sơ, in phiếu biên nhận</i> <i>. Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho các phòng ban giải quyết.</i> <i>. Bước 4: Khi hồ sơ đã giải quyết bộ phận tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giám định hồ sơ cho người đăng ký”.</i> <p>Với các hướng dẫn khác nhau như trên, doanh nghiệp không biết thực hiện thế nào cho đúng. Vì vậy, nhiều trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn khi nộp hồ sơ và theo dõi kết quả.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>báo cho chủ hàng và chuyển hồ sơ đến Cục ATTP - Bộ Y tế.</p> <p>6. Trong thời hạn tối đa là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo kết quả xác nhận không đạt yêu cầu nhập khẩu, chủ hàng có thể đề nghị cơ quan kiểm tra xem xét lại kết quả đã kiểm tra và biện pháp xử lý lô hàng hoặc tiến hành kiểm tra lại.</p> <p>7. Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề xuất của chủ hàng về biện pháp xử và hồ sơ của cơ quan kiểm tra, Cục ATTP quyết định hình thức xử lý đối với các mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu.</p> <p>Tóm tắt Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT quy định khá đầy đủ, rõ ràng các công việc, thủ tục, cách thức thực hiện...:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 3. Những hàng hóa nhập khẩu không thuộc diện phải kiểm tra ATTP (gồm 6 loại, được liệt kê cụ thể); - Điều 6. Chỉ tiêu kiểm tra; - Điều 7. Cơ quan kiểm tra; - Điều 8. Phí, lệ phí và kinh phí; - Điều 16. Đăng ký kiểm tra lô hàng nhập khẩu: Đối với hàng hoá thông thường nhập khẩu, hồ sơ đăng ký chỉ gồm 1 loại giấy tờ là “Bản chính Giấy đăng ký kiểm tra ATTP”; - Điều 17. Nội dung kiểm tra: Quy định rõ nội 	<p>. Về “Đánh giá chứng nhận” cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng: tiết b, khoản 3 Điều 8 quy định Tổng cục Năng lượng “đánh giá thực tế các doanh nghiệp” mà không nêu rõ nội dung đánh giá là gì. Hơn nữa, nếu có việc “đánh giá thực tế các doanh nghiệp” thì cũng chỉ phù hợp với doanh nghiệp sản xuất, không phù hợp với doanh nghiệp nhập khẩu. Ngay cả đối với doanh nghiệp sản xuất, việc “đánh giá thực tế” này cũng chỉ có thể thực hiện một lần hoặc định kỳ, không thể thực hiện với từng lô hàng. Trên thực tế các doanh nghiệp cho biết không thấy Bộ Công thương làm việc này nhưng cũng không rõ Bộ Công thương sẽ làm việc này khi nào, trong trường hợp nào, do đó DN luôn ở trong tình trạng lo ngại về việc chưa hoàn thành thủ tục pháp luật yêu cầu (có trường hợp để yên tâm sản xuất, doanh nghiệp đã có văn bản chủ động mời Tổng cục Năng lượng đến đánh giá, nhưng mời từ tháng 2/2016 đến hết tháng 8/2016 vẫn không được hồi âm).</p> <p>. Về thời gian cấp Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng, tiết b, khoản 3, Điều 8 quy định: “Sau khi có kết quả đánh giá hồ sơ phù hợp (theo quy định tại tiết a, thời gian đánh giá hồ sơ là 10 ngày – người viết chú thích), Tổng cục Năng lượng đánh giá thực tế các doanh nghiệp đăng ký tham gia dán nhãn năng lượng và ra quyết định chứng nhận phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng”.</p> <p>Quy định này hoàn toàn không rõ về thời hạn tối đa giữa thời điểm có kết quả đánh giá hồ sơ và thời điểm tiến hành đánh giá thực tế, cũng không rõ về thời hạn từ sau khi đánh giá thực tế đến thời điểm ra quyết định chứng nhận. Và thực tế, theo doanh nghiệp được khảo sát cho biết, để xin được Giấy chứng nhận dán nhãn này, thời gian thông thường là hàng tháng, có trường hợp còn dài hơn (nếu không thuê trung gian).</p> <p>Việc quy định duy nhất chỉ có một đầu mối ở Hà Nội cấp giấy</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>hàm từng hình thức kiểm tra, như “Kiểm tra hồ sơ”, “Kiểm tra ngoại quan”, “Lấy mẫu kiểm nghiệm”;</p> <p>- Điều 18. Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra ATTP: “Thời gian từ khi lấy mẫu, gửi mẫu, kiểm nghiệm và trả lời kết quả tối đa không quá 10 ngày làm việc”;</p> <p>Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra;</p> <p>Điều 23. Quyền hạn của cơ quan kiểm tra;</p> <p>Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu;</p> <p>Điều 25. Quyền của tổ chức, cá nhân nhập khẩu...</p> <p>Tóm tắt Điều 9 Thông tư 28/2013/TT - BCT về Hồ sơ đăng ký kiểm tra ATTP:</p> <p>1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra gồm 4 loại:</p> <p>a) Giấy đăng ký kiểm tra;</p> <p>b) Bản sao có chứng thực Giấy tiếp nhận công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định về ATTP;</p> <p>c) Bản sao công chứng Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa (Contract), danh mục hàng hóa kèm theo (Packing list);</p> <p>d) Bản sao có chứng thực và có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu: Vận đơn (Bill of</p>	<p>này gây quá nhiều khó khăn về thời gian, chi phí cho các doanh nghiệp ở xa Hà Nội. Tương tự, có mặt hàng (ví dụ mặt hàng động cơ, TV...). Bộ Công thương chỉ chỉ định duy nhất 1 tổ chức thử nghiệm, gây khó khăn, tốn kém cho doanh nghiệp. Đó là chưa kể ngay cả tổ chức được chỉ định cũng không có khả năng thử nghiệm, phải thuê lại tổ chức khác thực hiện (ví dụ mặt hàng “động cơ” Bộ Công thương chỉ định Quatest 1, nhưng đơn vị này không có khả năng nên phải thuê lại nhà máy Việt - Hung ở Đông Anh Hà Nội làm.</p> <p>Sự không rõ ràng còn thể hiện ở việc Thông tư không quy định chi tiết chính xác nội dung luật yêu cầu, mà lại quy định một nội dung khác, na ná như yêu cầu của luật, gây nhầm lẫn cho người thực hiện: Điều 39 Luật Năng lượng quy định “công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu”, Điều 7 Thông tư 07/2012/TT-BCT lại quy định “công nhận kết quả thử nghiệm của các tổ chức nước ngoài”; Luật Năng lượng quy định “nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường”, nhưng Thông tư 07/2012/TT-BCT lại quy định phải dán nhãn trước khi thông quan.</p> <p>- Một quy định nữa có thể xem là không phù hợp với luật nội dung, dẫn đến nhầm lẫn cho người thực hiện. Đó là khoản 2 Điều 3 Nghị định 38/2012/NĐ về “<i>Công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm</i>”.</p> <p>Luật ATTP chỉ có quy định “công bố hợp quy” theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Ngoài trường hợp trên, Nghị định quy định thêm trường hợp “Sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và đăng ký bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật tương ứng được ban</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>Lading); hóa đơn (Invoice); tờ khai hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>2. Trường hợp áp dụng phương thức kiểm tra giảm, kiểm tra giảm chỉ kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm tra gồm: Bản sao có chứng thực hoặc các tài liệu liên quan chứng minh theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này”.</p> <p>Tóm tắt Điều 6 Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT của Bộ NNPTNT về “Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh” gồm 2 – 3 loại giấy tờ (so với 9 loại quy định tại Thông tư 65/2012/TT-BNNPTNT trước đây):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật . 2. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu. 3. Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép). <p>Tóm tắt Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT của Bộ Công thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng quy định về “Trình tự thủ tục đánh giá và cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng”:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thử nghiệm mẫu điển hình: Doanh nghiệp tự lấy mẫu gửi tới tổ chức thử nghiệm để thử nghiệm. 	<p>hành và có hiệu lực”.</p> <p>Việc Nghị định đưa thêm quy định “chưa có quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố phù hợp” để tạo nên sự tùy tiện trong áp dụng, do không có quy chuẩn để làm thước đo.</p> <p>- Về quản lý thép phế liệu NK:</p> <p>Nhập khẩu thép phế liệu sạch, ép thành bánh, khối để thuận tiện vận chuyển: Theo trích dẫn điểm 2.3.1 QCVN 31:2010/BTNMT thì không quy định cấm đóng thành bánh, ép thành khối, nhưng tại Danh mục 8, Phụ lục 1 Thông tư 41/2015/TT-BTNMT lại quy định: “Phế liệu và mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, phoi cắt và bavia, chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó” dẫn đến sự hiểu biết, giải thích khác nhau giữa những người thực hiện, hậu quả là mỗi nơi áp dụng mỗi khác, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.</p> <p>- Đặc biệt, trong danh mục hàng hoá thuộc diện QLCN do các Bộ QLCN ban hành, ngoài các mặt hàng có tên gọi và mã HS, rất thường có mã hàng “<i>Loại khác</i>”. Đây là một mã hàng chưa rõ tên gọi là gì, rất không rõ ràng, thường bị tùy tiện giải thích bởi từng đơn vị, từng công chức khi làm thủ tục thông quan hàng hoá.</p> <p>·</p> <p>Đánh giá chung:</p> <p>Một mặt, pháp luật QLCN đã đáp ứng cam kết của Hiệp định về sự rõ ràng, nhưng mặt khác, vẫn có nhiều quy định chưa rõ ràng. Trong số quy định chưa rõ ràng nêu trên, có 2 quy định của Nghị định, còn lại là quy định của các Thông tư.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>2. Lập hồ sơ và gửi về Tổng cục Năng lượng, bao gồm 10 loại giấy tờ (trong đó có loại là cả một hồ sơ gồm nhiều giấy tờ trong đó như quy định tại các tiết h), i)) :</p> <p>a) Giấy đăng ký chứng nhận dán nhãn năng lượng kèm theo danh mục các loại phương tiện, thiết bị;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng);</p> <p>c) Bản sao của hợp đồng với các nhà cung cấp hàng hóa ở nước ngoài (đối với các nhà nhập khẩu);</p> <p>d) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu;</p> <p>đ) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa;</p> <p>e) Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bản sao có đóng dấu xác nhận của người đứng đầu doanh nghiệp);</p> <p>g) Bản mô tả tóm tắt các thông số đặc trưng cơ bản của phương tiện, thiết bị;</p> <p>h) Kết quả thử nghiệm do Tổ chức thử nghiệm được chỉ định cấp có thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp;</p> <p>h) Hồ sơ, tài liệu, quy trình quản lý chất lượng của doanh nghiệp;</p> <p>i) Hồ sơ, chứng chỉ quản lý chất lượng liên quan.</p>	<p>Đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 38/2012/NĐ-CP về công bố phù hợp đối với sản phẩm thực phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật. Hoặc nếu quy định này là cần thiết thì đề nghị đưa vào luật ATTP. - Các vấn đề của Nghị định 26/2011/NĐ-CP và Thông tư 40/2011/TT-BCT đã được kiến nghị ở Điều 1, không nhắc lại ở đây. - Đề nghị sửa đổi Danh mục hàng hoá ban hành kèm theo Thông tư 15/2014/TT-BTTTT theo hướng loại bỏ tất cả các mã hàng nằm ngoài 5 loại hàng được giao cho Bộ TTTT quản lý tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP. - Đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 12 Thông tư 09/2016/TT-BQP theo hướng bãi bỏ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hồ sơ và hàng hoá xuất nhập khẩu. - Đề nghị sửa đổi Danh mục 8, Phụ lục 1 Thông tư 41/2015/TT-BTNMT theo hướng không hạn chế việc phế liệu thép nhập khẩu đóng thành bánh, khối, kiện để tối ưu hoá việc vận chuyển, giảm chi phí vận tải cho doanh nghiệp. - Liên quan tới các văn bản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương, đề nghị: <ul style="list-style-type: none"> . Sửa đổi khoản 4 Điều 21 Thông tư 48/2011/TT-BCT theo hướng bổ sung cụm từ “khi cần thiết” để phù hợp với quy định của luật CLSPHH. . Sửa đổi một loạt các vấn đề của Thông tư 07/2012/TT-BCT về dán nhãn năng lượng theo hướng: bãi bỏ quy định việc thử nghiệm, dán nhãn hiệu suất năng lượng phương tiện thiết bị nhập khẩu trước khi thông quan; bổ sung hướng dẫn “công

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>k) Đối với trường hợp đại lý nộp thay cho nhà sản xuất ở nước ngoài, đại lý phải xuất trình Giấy ủy quyền.</p> <p>Trường hợp các hồ sơ, tài liệu nêu trên bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có công chứng.</p> <p>Thông tư 37/2015/TT-BCT của Bộ Công thương quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần căn cứ ban hành viết: “Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa”. - Khoản 2 Điều 70 (<i>Trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ quản lý ngành, lĩnh vực</i>), Luật CLSPHH quy định: “d) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm đối với thiết bị áp lực, thiết bị nâng đặc thù chuyên ngành công nghiệp, hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp, trang thiết bị khai thác mỏ, dầu khí, trừ các thiết bị, phương tiện thăm dò, khai thác trên biển”. - Tiết b, khoản 1, Điều 21 (<i>Phân công trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá của cơ quan kiểm tra thuộc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực</i>), Nghị định 132/2008/NĐ-CP, 	<p>nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu” theo quy định tại khoản 4 Điều 39 luật Năng lượng; quy định rõ nội dung “đánh giá năng lực doanh nghiệp” và “đánh giá thực tế doanh nghiệp”, thời gian đánh giá và cấp giấy chứng nhận dán nhãn; chỉ định thêm tổ chức thử nghiệm; tổ chức thêm bộ phận cấp giấy chứng nhận dán nhãn ở miền Nam, miền Trung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị các Bộ QLCN loại bỏ mã hàng “Loại khác” trong danh mục hàng hoá QLCN của mình. <p>3. Về cam kết áp dụng thủ tục QLCN hiệu quả:</p> <p>Vấn đề này đã được trích dẫn, phân tích, đánh giá, đề xuất ở khoản 2 Điều 1, không nhắc lại ở đây.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>quy định: “b) Đối với hàng hoá trong xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường, trong quá trình sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và hàng hoá trong Danh mục quy định tại Điều 15 Nghị định này” (Điều 15. Quản lý chất lượng hàng hoá phải được quản lý trong quá trình <i>sử dụng</i>).</p> <p>Về quản lý thép phế liệu NK:</p> <p>- Điểm 2.3.1 QCVN 31:2010/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư 43/2010/TT-BTNMT ngày 29/12/2010 <i>Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường</i> chỉ quy định cấm nhập khẩu “vỏ thùng phuy, bao bì, lon...mà chưa làm sạch”.</p> <p>Danh mục 8, Phụ lục 1 Thông tư 41/2015/TT-BTNMT quy định: “Phế liệu và mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, phoi cắt và bavia, chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó”.</p> <p>Về “<i>Công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm</i>”: Điều 3 Nghị định 38/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ATTP quy định:</p> <p>“1. Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm) <i>đã có quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố hợp quy</i></p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>và đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.</p> <p>2. Sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và đăng ký bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật tương ứng được ban hành và có hiệu lực”.</p>	
<p>2. A single administrative document or electronic equivalent shall be used for the purpose of completing the formalities connected with placing the goods under a customs procedure.</p>		<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này, các Bên cam kết quy định, để hoàn thành mọi thủ tục thông quan hàng hoá, chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp một chứng từ hành chính duy nhất hoặc chứng từ điện tử.</p> <p>Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về việc áp dụng thủ tục một chứng từ hành chính: Như đã phân tích, đánh giá tại khoản 1 Điều 5, thủ tục QLCN hiện nay chủ yếu vẫn là thủ công, với rất nhiều giấy tờ. Đánh giá: Thủ tục QLCN hiện hành chưa tương thích cam kết này. - Về áp dụng thủ tục điện tử: Vấn đề này gắn liền với cam kết về ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi dữ liệu điện tử tại khoản 4 Điều này nên việc đánh giá, đề xuất sẽ được đề cập tại khoản đó.

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>3. The Parties shall apply modern customs techniques, including risk assessment and post-clearance audit methods in order to simplify and facilitate the entry and the release of goods.</p>	<p>- Vấn đề áp dụng nguyên tắc QLRR trong QLCN đối với hàng hoá nhập khẩu: Sẽ đề cập tại Điều 7.</p> <p>- Vấn đề kiểm tra sau thông quan trong QLCN đối với hàng hoá nhập khẩu: Pháp luật QLCN trong tất cả các lĩnh vực chưa quy định áp dụng chế độ quản lý này.</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này, các Bên cam kết áp dụng kỹ thuật thông quan hiện đại, bao gồm áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro (QLRR) và kiểm tra sau thông quan nhằm đơn giản hoá thủ tục, tạo thuận lợi cho việc NK và giải phóng hàng.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>- Vấn đề áp dụng nguyên tắc QLRR sẽ được xét đến khi phân tích, đánh giá mức độ tương thích của pháp luật QLCN với cam kết tại Điều 7 Hiệp định.</p> <p>- Vấn đề áp dụng chế độ kiểm tra sau thông quan trong QLCN đối với hàng hoá nhập khẩu:</p> <p>Kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) trong lĩnh vực QLCN có sự khác biệt nhất định so với KTSTQ trong lĩnh vực hải quan. Trong lĩnh vực hải quan, KTSTQ là một phương thức hoạt động nghiệp vụ, nó không nhằm vào việc kiểm tra hàng hoá mà chủ yếu là kiểm tra hệ thống sổ sách, chứng từ, ghi chép, lưu trữ tình hình, số liệu kinh doanh của doanh nghiệp nên nó rất gần với nghiệp vụ kiểm toán (nên tiếng Anh gọi là Post Clearance Audit - PCA), mục tiêu trọng tâm là đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật (trước hết là pháp luật về thuế) của người xuất nhập khẩu làm cơ sở cho áp dụng mức độ quản lý phù hợp tại khâu thông quan. Nói cách khác, thay vì kiểm tra từng lô hàng tại thời điểm xuất nhập khẩu vốn thường làm chậm trễ quá trình thông quan hàng hoá, KTSTQ trong lĩnh vực hải quan thực hiện kiểm tra việc hạch toán của doanh nghiệp trong cả một giai đoạn kinh doanh, vừa tạo thuận lợi cho thông quan hàng hoá, vừa đảm bảo sự quản lý của hải quan.</p> <p>Trái lại, KTSTQ trong lĩnh vực QLCN vẫn là kiểm tra hàng hoá, nhưng không thực hiện tại thời điểm làm thủ tục thông quan,</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
		<p>mà thực hiện sau khi cơ quan hải quan đã quyết định thông quan hàng hoá, hàng hoá được phép đưa ra khỏi khu vực kiểm tra, giám sát hải quan để tránh việc hàng hoá phải lưu kho bãi làm tăng chi phí cho doanh nghiệp. Tùy từng loại nguy cơ mất an toàn mà từng loại hàng hoá nhập khẩu có thể gây ra, việc KTSTQ trong từng lĩnh vực QLCN có thể phải thực hiện ngay sau khi hàng hoá được thông quan (áp dụng với kiểm tra ATTP đối với một số chủng loại hàng hoá, kiểm tra chất lượng phương tiện, thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu); hoặc kiểm tra trong quá trình lưu thông hàng hoá (áp dụng đối với việc kiểm tra chất lượng, kiểm tra dán nhãn năng lượng, kiểm tra ATTP một số chủng loại hàng; hoặc kiểm tra tại khâu thủ tục khác (áp dụng cho việc kiểm tra chất lượng xe cơ giới – đăng kiểm); hoặc kiểm tra tại khâu sản xuất (áp dụng cho nguyên liệu, phụ gia thực phẩm...).</p> <p>Với nội hàm như trên, pháp luật QLCN chưa có quy định áp dụng phương thức quản lý này.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị pháp luật QLCN (trước hết là luật CLSPHH, luật ATTP, luật KDTV, luật Năng lượng) quy định việc kiểm tra chuyên ngành (KTCN) đối với hàng hoá nhập khẩu (trong trường hợp, theo tiêu chí QLRR, phải kiểm tra) chủ yếu được thực hiện sau khi hàng hoá đã được thông quan, trừ một số lĩnh vực, mặt hàng nhất thiết phải kiểm tra trước khi thông quan.</p> <p>Đề xuất trên căn cứ vào yêu cầu tại Nghị quyết 19-2016/NQ-CP của Chính Phủ:</p> <p>- Điểm 1 phần II Nghị quyết quy định: “Cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh, về quản lý chuyên ngành đối</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
		<p>với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu, phù hợp với thông lệ quốc tế, <i>chuyển căn bản sang hậu kiểm...</i>”.</p> <p>- Điểm 1.đ phần III Nghị quyết 19-2016/NQ-CP quy định:</p> <p>“Chuyển thời điểm kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra chất lượng hàng hóa, hiệu suất năng lượng, an toàn thực phẩm trong giai đoạn thông quan sang kiểm tra sau khi hàng hóa đã được thông quan (trừ kiểm dịch đối với trường hợp mặt hàng nhập khẩu có nguy cơ cao theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất phục vụ tiêu dùng trong nước thực hiện kiểm tra tại khâu sản xuất và trước khi đưa sản phẩm vào lưu thông; đối với hàng xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu thực hiện tại cơ sở sản xuất trước khi xuất hàng”.</p>
<p>4. The Parties shall promote the progressive development and use of systems, including those based upon Information Technology, to facilitate the electronic exchange of data between traders, customs administrations and other related agencies.</p>	<p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP:</p> <p>Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia</p> <p>1. Người khai hải quan khai thông tin, nộp chứng từ điện tử để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông qua một hệ thống thông tin tích hợp (dưới đây gọi là Cổng thông tin một cửa quốc gia)...</p> <p>2. Các cơ quan nhà nước tiếp nhận và xử lý thông tin của người khai hải quan; phản hồi kết quả xử lý cho người khai hải quan; trao đổi thông tin khai thủ tục hành chính và kết quả xử lý thông tin khai thủ tục hành chính giữa các cơ quan nhà nước với nhau thông qua Cổng thông</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại khoản này, các Bên cam kết đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi dữ liệu điện tử giữa doanh nghiệp, cơ quan Hải quan và các cơ quan, tổ chức liên quan trong thủ tục thông quan hàng hoá.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Đến 30/9/2016, theo Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê - Tổng cục Hải quan:</p> <p>- Ngoài Bộ Tài chính với 81 thủ tục hải quan, đã có 09 Bộ QLCN tham gia NSW với 36 (trong tổng số khoảng 100) thủ tục cấp giấy phép và các giấy tờ tương tự, gồm: Bộ GTVT với 11 thủ tục (trong đó có 3 thủ tục có sự tham gia của Bộ Quốc phòng); Bộ NNPTNT với 9 thủ tục; Bộ Y tế với 5 thủ tục; Bộ Công thương với 5 thủ tục; Bộ Tài nguyên Môi trường với 4 thủ tục; Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch với 1 thủ tục; Bộ khoa học Công nghệ với</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>tin một cửa quốc gia.</p> <p>3. Người khai hải quan tiếp nhận kết quả xử lý từ các cơ quan nhà nước thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>Điều 8. 2. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm ban hành thủ tục hành chính để thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia; xây dựng bộ dữ liệu hành chính và thương mại quốc gia áp dụng cho các chứng từ điện tử trao đổi, thực hiện theo Cơ chế một cửa quốc gia.</p> <p>Quyết định 48/2011/QĐ-TTg ngày 31/8/2011 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia (NSW):</p> <p>“Điều 1. Thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia với nội dung chính như sau:</p> <p>1. Cơ chế hải quan một cửa quốc gia là hệ thống tích hợp cho phép:</p> <p>a) Các bên tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu nộp hoặc gửi thông tin và chứng từ chuẩn hóa tới một điểm tiếp nhận duy nhất;</p> <p>b) Các cơ quan Nhà nước xử lý dữ liệu, thông tin và ra quyết định dựa trên hệ thống các quy trình, thủ tục thống nhất và đồng bộ; ra quyết định và gửi quyết định này tới hệ thống được thỏa thuận cung cấp và trao đổi thông tin thống nhất giữa các cơ quan Nhà nước; và</p> <p>c) Cơ quan Hải quan ra quyết định cuối cùng về</p>	<p>1 thủ tục; Bộ TTTT với 1 thủ tục; Bộ Quốc phòng với 3 thủ tục xuất nhập cảnh (thực hiện chung với Bộ GTVT nên không tính thành số lượng riêng).</p> <p>- Đã có 7.860 doanh nghiệp tham gia với 170.000 hồ sơ được thực hiện thủ tục qua NSW.</p> <p>Nghiên cứu danh mục các thủ tục, số lượng doanh nghiệp, số lượng hồ sơ đã tham gia NSW thấy:</p> <p>- Đa số là các thủ tục thực hiện qua NSW là những thủ tục không phổ biến. Ví dụ: Bộ Công thương có 5 thủ tục tham gia là (1) Thủ tục cấp giấy phép xuất nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; 2) Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn; 3) Thủ tục cấp giấy chứng nhận quy trình Kimberley đối với kim cương thô; 4) Thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ mẫu D 5) Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu tự động mô-tô phân khối lớn) thì 4 thủ tục (gồm các thủ tục 1, 2, 3, 5) là những thủ tục doanh nghiệp rất ít khi phải làm nên hiệu quả mang lại cho DN là thấp. Trong số các thủ tục đã tham gia, thủ tục tàu biển xuất nhập cảnh và thủ tục đăng kiểm xe gắn máy, xe cơ giới (Bộ Giao thông vận tải) có số lượng doanh nghiệp tham gia và số lượng hồ sơ đáng kể nhất.</p> <p>- Tỷ lệ các doanh nghiệp tham gia so với tổng số doanh nghiệp hoạt động XK, NK là vô cùng nhỏ.</p> <p>- Tỷ lệ số lượng hồ sơ XK, NK tham gia so với tổng số hồ sơ XK, NK (khoảng 8 triệu tờ khai/năm) là vô cùng nhỏ.</p> <p>Đánh giá chung: Mặc dù mức độ tự động hóa và hiệu quả tự động hóa trong hoạt động QLCN trên thực tế còn rất hạn chế so với tổng thể các hoạt động QLCN, yêu cầu trong cam kết chỉ đòi hỏi mức “nỗ lực”, do đó với các kết quả đã thực hiện được, pháp luật QLCN của Việt Nam đã hoàn toàn đáp ứng cam kết về ứng</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>việc thông quan, giải phóng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh căn cứ vào các quyết định của các cơ quan Nhà nước có liên quan được hệ thống chuyển tới kịp thời theo quy định về cung cấp dịch vụ công.</p> <p>3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thí điểm:</p> <p>a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan Nhà nước ở địa phương có chức năng, nhiệm vụ cấp phép hoặc giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là thủ tục hành chính) có liên quan đến việc thông quan hàng hoá, phương tiện xuất nhập khẩu;</p> <p>b) Các doanh nghiệp có hàng hoá, phương tiện xuất nhập khẩu đã tham gia thủ tục hải quan điện tử và đáp ứng các điều kiện thực hiện thí điểm Cơ chế hải quan một cửa quốc gia;</p> <p>c) Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai, thực hiện thủ tục hải quan điện tử.</p> <p>4. Nội dung thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia gồm:</p> <p>a) Lựa chọn, công bố danh mục các thủ tục hành chính áp dụng thí điểm Cơ chế hải quan một</p>	<p>dụng công nghệ thông tin, trao đổi dữ liệu điện tử giữa doanh nghiệp, cơ quan Hải quan và các cơ quan, tổ chức liên quan trong thủ tục thông quan hàng hoá.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>- Vấn đề mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi dữ liệu điện tử trong thủ tục QLCN đã được quy định tại Nghị quyết 19-2016/NQ-CP như sau: “Điện tử hóa thủ tục (nộp hồ sơ, trả kết quả...) kiểm tra chuyên ngành; kết nối chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức quản lý, kiểm tra chuyên ngành với Cổng thông tin một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN để giảm thiểu giấy tờ, hướng tới mục tiêu phi giấy tờ, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành”. Vì vậy, đề nghị các Bộ QLCN sớm triển khai quy định này để áp dụng trong thực tế.</p> <p>- Trong thủ tục QLCN thì thủ tục KTCN mới là những thủ tục ảnh hưởng nhiều tới thời gian, chi phí, công sức của doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục thông quan hàng hoá. Việc thực hiện thủ tục KTCN chỉ một phần do các cơ quan nhà nước thực hiện, còn chủ yếu do các tổ chức thử nghiệm, thí nghiệm, giám định thực hiện. Hiện nay, các thủ tục KTCN hầu hết như chưa tham gia NSW nên thời gian, chi phí thông quan chưa được cải thiện đáng kể. Theo quy định tại điểm 3 Điều 1 Quyết định 48/2011/QĐ-TTg thì các tổ chức thử nghiệm, thí nghiệm, giám định chưa được tham gia. Vì vậy, đề nghị hoàn thiện quyết định này thêm một bước, trong đó đề nghị bổ sung các tổ chức thử nghiệm, thí nghiệm, giám định là đối tượng thực hiện cơ chế này. Sự tham gia của các tổ chức này vào NSW sẽ tạo bước cải cách đột phá, làm thay đổi căn bản diện mạo thủ tục QLCN.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>cửa quốc gia;</p> <p>b) Khai và tiếp nhận thông tin khai báo về các thủ tục hành chính thông qua phương tiện điện tử;</p> <p>c) Phản hồi thông tin và trả kết quả cho cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính thông qua phương tiện điện tử kết hợp với việc trả hồ sơ giấy (đối với các thủ tục chưa công nhận hồ sơ điện tử);</p> <p>d) Trao đổi thông tin về cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính cũng như kết quả ra quyết định của các cơ quan, đơn vị thông qua phương tiện điện tử;</p> <p>đ) Thanh toán điện tử đối với các khoản thuế, phí và lệ phí thông qua hệ thống ngân hàng thương mại dựa trên thỏa thuận trao đổi và xử lý thông tin thu, nộp, thanh toán thuế, phí, lệ phí giữa các cơ quan Nhà nước có liên quan và các Ngân hàng thương mại;</p> <p>e) Chứng từ điện tử trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước với nhau trên hệ thống hải quan một cửa quốc gia trong việc thực hiện thủ tục hành chính có giá trị pháp lý như chứng từ giấy;</p> <p>g) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện trao đổi thông tin về Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) theo Hiệp định ATIGA trong ASEAN và tiến tới công nhận C/O điện tử giữa các nước thành viên ASEAN;</p> <p>h) Sẵn sàng trao đổi các thông tin cơ bản trên</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>tờ khai hải quan với Hải quan các nước thành viên ASEAN theo khuôn dạng thống nhất.</p> <p>Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp tham gia thí điểm thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khai và thực hiện các thủ tục hành chính thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của Cổng thông tin điện tử hải quan một cửa quốc gia. 2. Khai và nộp chứng từ, cung cấp thông tin liên quan đến hàng hoá, phương tiện vận tải xuất nhập khẩu và nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật... <p>Thực hiện QĐ 48/2011/QĐ-TTg đã có 36 thủ tục QLCN đối với hàng hoá XNK, phương tiện và người XNC được quy định tại các Nghị định, Thông tư trước đây và một số Thông tư hoặc Thông tư liên tịch giữa Bộ QLCN và Bộ Tài chính mới ban hành xác định danh mục những thủ tục hành chính của Bộ mình tham gia NSW. Đó là các Thông tư: Thông tư liên tịch số 89/2016/TTLT-BTC-BCT giữa Bộ Công thương và Bộ Tài chính về thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia; Thông tư 54/2015/TT-BGTVT của Bộ GTVT về Thủ tục tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào, ra cảng biển; Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 về Đăng ký cấp Giấy chứng nhận chất lượng thức</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>ăn Thủy sản nhập khẩu; Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 về Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa; Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 về Cấp Giấy phép nhập khẩu Giống cây trồng nông nghiệp, Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón; Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT Quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu; Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về nhập khẩu đồ chơi trẻ em...</p> <p>Nghị định 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 về quản lý cảng biển và luồng hàng hải .</p> <p>Điều 62. Trình tự và hình thức khai báo thủ tục tàu thuyền vào, rời và hoạt động tại cảng biển.</p> <p>Việc gửi hồ sơ, giấy tờ của tàu thuyền cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển có thể được thực hiện bằng Fax, <i>khai báo điện tử</i>, gửi trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính. Trường hợp hồ sơ, giấy tờ của tàu thuyền được cấp dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật, người làm thủ tục chỉ phải nộp bản sao chụp hồ sơ, giấy tờ đó và cung cấp địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đó để xác minh khi</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>cần thiết.</p> <p>Điều 63. 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin để phục vụ việc khai báo điện tử khi làm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng, quá cảnh và hoạt động tại cảng biển Việt Nam.</p>	
<p>Article 6. Transit and Transhipment</p> <p>1. Each Party shall ensure the facilitation and effective control of transshipment operations and transit movements through their respective territories.</p> <p>2. Each Party shall ensure cooperation and coordination between all concerned authorities and agencies in their respective territories to facilitate traffic in</p>	<p>Điều 35. Luật Hải quan.</p> <p>4. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu để bảo đảm thông quan nhanh chóng hàng hoá, phương tiện vận tải</p> <p>Nghị định 08/2015/NĐ-CP:</p> <p>Điều 33.1... Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra <i>đồng thời</i> đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.</p> <p>Cơ quan hải quan chủ trì, điều phối hoạt động kiểm tra đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của các cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu.</p> <p>Nghị định 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 về quản lý cảng biển và luồng hàng hải:</p> <p>Điều 59. Điều kiện tàu thuyền rời cảng biển</p> <p>3. Ngay sau khi cấp Giấy phép quá cảnh..., Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho các cơ quan</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại Điều này, các Bên cam kết phối hợp chặt chẽ các cơ quan, lực lượng có chức năng quản lý nhà nước tại cửa khẩu để tạo thuận lợi cho hoạt động chuyển tải, quá cảnh hàng hoá, phương tiện vận tải.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Các trích dẫn ở cột 2 cho thấy pháp luật Việt Nam, bao gồm pháp luật về hàng hải, pháp luật về hải quan, pháp luật QLCN đều có quy định các cơ quan, lực lượng thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại cửa khẩu, trong đó có cơ quan QLCN đối với hàng hoá XK, NK, quá cảnh, phải phối hợp chặt chẽ dưới sự chủ trì của một cơ quan, lực lượng được phân công để tạo thuận lợi cho hoạt động chuyển tải và quá cảnh hàng hoá, phương tiện vận tải.</p> <p>Đánh giá chung: Pháp luật VN nói chung, pháp luật QLCN đối với hàng hoá XK, NK nói riêng đã đáp ứng hoàn toàn cam kết tại Điều 6 Hiệp định về tạo thuận lợi cho hoạt động chuyển tải và quá cảnh hàng hoá, phương tiện vận tải.</p> <p>Đề xuất: Không đề xuất sửa đổi, bổ sung.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
transit.	<p>quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan trên tuyến luồng quá cảnh biển để phối hợp quản lý hoạt động quá cảnh của tàu thuyền đó.</p> <p>Điều 61. Thời gian làm thủ tục: Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển phải thường trực 24/24 giờ trong ngày, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ để phục vụ cho hoạt động của tàu thuyền vào, rời cảng biển, quá cảnh.</p> <p>Điều 63. Quy trình thủ tục dùng chung cho tàu thuyền vào, rời cảng, quá cảnh và hoạt động tại cảng biển Việt Nam.</p> <p>1. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm ban hành quy trình thủ tục dùng chung và các loại hồ sơ, biểu mẫu để khai báo khi tàu thuyền vào, rời cảng, quá cảnh và hoạt động tại cảng biển phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; áp dụng thí điểm thực hiện thủ tục điện tử cho tàu thuyền vào, rời cảng, quá cảnh và hoạt động tại cảng biển Việt Nam.</p> <p>Điều 88. Nguyên tắc phối hợp hoạt động quản lý</p> <p>2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển có trách nhiệm <i>phối hợp chặt chẽ với nhau</i> khi thi hành nhiệm vụ nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp cảng, chủ tàu, chủ hàng, tàu thuyền và các tổ chức, cá</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>nhân khác có liên quan, đảm bảo cho các hoạt động an toàn và hiệu quả.</p> <p>6. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm <i>phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan</i> khác tại khu vực để tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật đối với mọi hoạt động hàng hải tại cảng biển.</p> <p>Điều 89. Trách nhiệm phối hợp hoạt động quản lý.</p> <p>1. Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm tổ chức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển.</p> <p>2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển có trách nhiệm: a) Phối hợp chặt chẽ để giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các thủ tục liên quan đến tàu thuyền, hàng hóa, hành khách và thuyền viên khi hoạt động tại cảng biển theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Điều 7 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật quy định về “Trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ”.</p> <p>3. đ) Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định điều kiện hoàn tất thủ tục hải quan, sự phối hợp của cơ quan hải quan với cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật khi xuất khẩu, nhập khẩu; quy định nội dung khai báo kiểm dịch thực vật trong nội dung khai báo của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh;</p> <p>Điều 8 luật Thú y quy định “Trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về điều kiện hoàn tất thủ tục hải quan trong kiểm tra, giám sát động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch, mẫu bệnh phẩm, thuốc thú y khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; chống buôn lậu, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y qua biên giới; hướng dẫn địa phương bố trí, sử dụng ngân sách hàng năm và bảo đảm kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.</p> <p>8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc bảo đảm quốc phòng, an ninh liên quan đến phòng, chống dịch bệnh động vật và kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chỉ đạo Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển phối hợp với cơ quan hữu quan phòng,</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>chống buôn lậu, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y qua biên giới.</p>	
<p>Article 7. risk management.</p> <p>1. Each Party shall base its examination and release procedures and its post-clearance audit procedures on risk assessment principles and audits, rather than examining each shipment in a comprehensive manner for compliance with all import requirements.</p> <p>2. The Parties agree to adopt and apply their import, export, transit and transshipments control requirements and procedures for goods on the basis</p>	<p>Như đã nêu ở khoản 2 Điều 1, hầu hết các luật QLCN hiện hành không có quy định nào về áp dụng phương pháp QLRR.</p> <p>Riêng Luật ATTP có một quy định tại khoản 2 Điều 40 như sau: “Phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu bao gồm: a) Kiểm tra chặt; b) Kiểm tra thông thường; c) Kiểm tra giảm.</p> <p>Các Bộ QLCN liên quan đã cụ thể hoá quy định trên như sau:</p> <p><i>Về Kiểm tra chặt:</i></p> <p>Bộ Y tế quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 52/2015/TT-BYT: Là “a) Kiểm tra hồ sơ và lấy đầy đủ mẫu để kiểm nghiệm các nhóm chỉ tiêu trong hồ sơ công bố đối với những mặt hàng không đạt tại lần kiểm tra trước đó; b) Kiểm tra theo phương thức thông thường và kiểm nghiệm chỉ tiêu được cảnh báo hoặc yêu cầu cung cấp phiếu kết quả kiểm nghiệm đối với các chỉ tiêu có cảnh báo của phòng kiểm nghiệm được công nhận, thừa nhận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước xuất khẩu đối với những mặt hàng có cảnh báo của Bộ Y tế hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất”.</p>	<p>Phân tích cam kết tại Điều 7:</p> <p>Tại Điều này, các bên cam kết áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, tập trung kiểm tra những lô hàng trọng điểm, không áp dụng biện pháp kiểm tra từng lô hàng trong các thủ tục kiểm tra, giải phóng hàng hoá và kiểm tra sau thông quan.</p> <p>QLRR là phương thức quản lý dựa trên cơ sở phân tích thông tin để đánh giá các rủi ro có thể xảy ra, làm cơ sở cho việc quyết định áp dụng biện pháp quản lý phù hợp, hiệu quả nhất, với chi phí (của tất cả các bên liên quan) thấp nhất.</p> <p>Nguồn thông tin để phân tích bao gồm các thông tin có sẵn hoặc có tại thời điểm đưa ra quyết định. Trong các loại thông tin thì thông tin về lịch sử tuân thủ pháp luật của người xuất nhập khẩu là quan trọng nhất. Các thông tin khác bao gồm thông tin về đặc điểm tính chất, chủng loại, chất lượng, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá, tuyến đường vận chuyển... Các thông tin đó được cơ quan quản lý thu thập, cập nhật thường xuyên trong một thời gian dài, lập thành cơ sở dữ liệu.</p> <p>Rủi ro của phương pháp này trong QLCN là nguy cơ nhập khẩu hàng hoá không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định, gây phương hại cho sức khoẻ cộng đồng, an toàn xã hội, thiệt hại cho người tiêu dùng, ô nhiễm môi trường, cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung, cho một ngành kinh tế cụ thể nói riêng.</p> <p>Các rủi ro có thể xảy ra do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất, phổ biến nhất là sự cố ý vi phạm và sự kém hiểu biết về hàng hoá, thị trường của người nhập khẩu. Các yếu tố này được bộc lộ trong quá trình hoạt động xuất nhập</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>of risk management principles, to be applied to focus compliance measures on transactions that merit attention.</p>	<p>“Kiểm tra chặt áp dụng đối với mặt hàng nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Mặt hàng không đạt yêu cầu nhập khẩu tại lần kiểm tra trước đó; b) Có cảnh báo của Bộ Y tế hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất” (khoản 3 Điều 6).</p> <p>“chuyển từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thường: a) Khi kiểm tra 02 (hai) lần liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt mà kết quả đạt yêu cầu nhập khẩu thì mặt hàng đó được áp dụng phương thức kiểm tra thông thường...; b) Khi có văn bản thông báo ngừng kiểm tra chặt của Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế đối với trường hợp có cảnh báo của Bộ Y tế hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất” (khoản 4 Điều 6).</p> <p>Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NNPTNT) quy định tại Điều 10 Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT <i>hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu</i>: Là “kiểm tra hồ sơ, kiểm tra ngoại quan; lấy mẫu kiểm nghiệm hàng hóa bị áp dụng phương thức kiểm tra chặt theo tần suất đến 30%”.</p> <p>Căn cứ vào kết quả kiểm tra chặt trong thời gian 6 (Sáu) tháng “Nếu có ít nhất 05 (năm) lô hàng hóa cùng chủng loại, cùng nước xuất xứ đang bị áp dụng phương thức kiểm tra chặt được lấy mẫu kiểm nghiệm và không bị phát hiện vi phạm quy định về ATTP” thì hủy bỏ</p>	<p>khẩu, được cơ quan quản lý theo dõi, cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Trên cơ sở phân tích các nguy cơ, cơ quan quản lý xây dựng bộ tiêu chí quản lý rủi ro để áp dụng cho từng hình thức, mức độ kiểm tra cụ thể. Hình thức kiểm tra có thể bao gồm nhiều loại, như: miễn kiểm tra; chỉ kiểm tra hồ sơ, miễn thử nghiệm; lấy mẫu phân tích/giám định/thử nghiệm một hay nhiều chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; kiểm tra trước thông quan hoặc kiểm tra sau thông quan. Căn cứ vào tiêu chí QLRR và các thông tin có sẵn tại cơ sở dữ liệu, cơ quan quản lý quyết định hình thức, mức độ kiểm tra đối với hàng hoá xuất nhập khẩu của từng người xuất nhập khẩu. Tại thời điểm làm thủ tục xuất nhập khẩu cho một lô hàng cụ thể, nếu có thông tin mới quan trọng đến mức cần thiết phải điều chỉnh hình thức, mức độ kiểm tra (ví dụ thông tin về dịch bệnh, về chất lượng hàng hoá, về buôn lậu, gian lận thương mại...) thì cơ quan quản lý quyết định điều chỉnh.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Cam kết ở Điều này đòi hỏi các Bên không áp dụng biện pháp kiểm tra từng lô hàng cả trong giai đoạn làm thủ tục thông quan và kiểm tra sau thông quan, mà phải áp dụng phương pháp QLRR, theo đó, trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người nhập khẩu và các thông tin liên quan để khác quyết định biện pháp kiểm tra phù hợp.</p> <p>Căn cứ nội hàm phương pháp QLRR và trích dẫn các quy định của pháp luật QLCN ở cột 2 cũng như những trích dẫn, phân tích, đánh giá tại Điều 1 cho thấy, nhìn chung, hoạt động QLCN hiện nay căn bản là kiểm tra đối với từng lô hàng.</p> <p>Trong các lĩnh vực QLCN, chỉ có lĩnh vực kiểm tra ATTP có một</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>phương thức kiểm tra chặt.</p> <p>Bộ Công thương quy định tại Điều 5 Thông tư 28/2013/TT-BCT: “Kiểm tra chặt là lấy mẫu xác suất hoặc lấy tại các điểm nghi ngờ (đủ lượng mẫu tối thiểu) để kiểm nghiệm, đánh giá toàn diện an toàn thực phẩm đối với tất cả các lô sản phẩm của cùng lô hàng...”.</p> <p><i>Về Kiểm tra thông thường:</i></p> <p>Bộ Y tế quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 52/2015/TT-BYT: “Phương thức kiểm tra thông thường là việc kiểm tra hồ sơ và lấy mẫu đại diện để kiểm tra cảm quan, ghi nhãn, tình trạng bao gói, tình trạng bảo quản đặc biệt (nếu có)”. “Kiểm tra thông thường áp dụng đối với 100% mặt hàng của lô hàng nhập khẩu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này” (khoản 1 Điều 6).</p> <p>Bộ NNPTNT quy định tại Điều 9 Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT: “thực hiện kiểm tra hồ sơ, ngoại quan và lấy mẫu kiểm nghiệm với tần suất đến 10% đối với các lô hàng nhập khẩu tùy theo mức độ rủi ro của hàng hóa”, “Trong thời gian 06 (sáu) tháng kiểm tra, nếu phát hiện hàng hóa cùng chủng loại, cùng nước xuất xứ vi phạm quy định ATTP từ 03 (ba) lần trở lên sẽ áp dụng phương thức kiểm tra chặt”.</p> <p>Bộ Công thương quy định tại Điều 6 Thông tư 28/2013/TT-BCT: “Kiểm tra thông thường là lấy mẫu xác suất (ngẫu nhiên) đủ để kiểm tra</p>	<p>số quy định theo xu hướng áp dụng QLRR, như: phân loại hàng hoá, tình huống, mức độ tuân thủ pháp luật ATTP của người nhập khẩu để áp dụng 3 phương thức kiểm tra khác nhau. Tuy nhiên, đó mới chỉ cho thấy có xu hướng, mới chỉ là một phần nhỏ của phương pháp QLRR, chưa phải là phương pháp QLRR theo đầy đủ nội hàm của phương pháp quản lý này. Việc kiểm tra vẫn áp dụng đối với mọi lô hàng NK. Hay nói cách khác, về cơ bản, hoạt động QLCN đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại Việt Nam chưa áp dụng phương pháp QLRR. Các cơ quan QLCN chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về người xuất nhập khẩu và hàng hoá xuất nhập khẩu. Việc quyết định hình thức, mức độ kiểm tra chưa dựa trên cơ sở phân tích thông tin, QLRR. Trong mọi trường hợp, việc QLCN đều phải được thực hiện trước khi hàng hoá được thông quan.</p> <p>Ngay cả 3 phương thức kiểm tra ATTP tạm coi là theo xu hướng áp dụng QLRR, mỗi Bộ QLCN cũng hiểu và áp dụng khác nhau. Ví dụ: Cùng <i>Phương thức kiểm tra giảm</i>, nhưng (như trích dẫn ở cột 3): Bộ Y tế (tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 52/2015/TT-BYT) quy định: <i>Phương thức kiểm tra giảm</i> là việc “chỉ kiểm tra hồ sơ”, áp dụng tối đa trong thời gian 12 tháng kể từ khi được áp dụng phương thức kiểm tra giảm; Bộ NNPTNT (tại Điều 11 Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT) lại quy định chung chung là thực hiện theo điều ước quốc tế về thừa nhận lẫn nhau và áp dụng cho trường hợp hàng hoá đã kiểm tra nhà nước tại nước xuất khẩu; còn Bộ Công thương (tại Điều 7, Điều 8 Thông tư 28/2013/TT-BCT) lại quy định phức tạp hơn, <i>Phương thức kiểm tra giảm</i> gồm 2 loại: Loại phải lấy mẫu đại diện để kiểm tra việc ghi nhãn và đối chiếu hồ sơ (Điều 7); Loại chỉ kiểm tra hồ sơ, không lấy mẫu, nhưng chỉ được áp dụng 1 lần trong 1 năm và phải sau 5 lần kiểm tra mặt hàng cùng loại, cùng xuất xứ đạt yêu cầu mới được áp dụng (Điều 8).</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>cảm quan và kiểm nghiệm một số chỉ tiêu...".</p> <p><i>Về Kiểm tra giảm:</i></p> <p>Bộ Y tế quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 52/2015TT-BYT: “Phương thức kiểm tra giảm là việc chỉ kiểm tra hồ sơ”, “chỉ áp dụng tối đa trong thời gian 12 tháng”.</p> <p>“Kiểm tra giảm áp dụng đối với mặt hàng thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và c Khoản này như sau: a) Đã được xác nhận đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước đã ký kết Điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm mà Việt Nam là thành viên; kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu đối với mặt hàng phù hợp các quy định bắt buộc áp dụng của Việt Nam; b) Đạt yêu cầu nhập khẩu sau 03 lần kiểm tra liên tiếp tại các ngày khác nhau trong vòng 12 tháng theo phương thức kiểm tra thông thường đồng thời đạt yêu cầu trong các lần thanh tra, kiểm tra (nếu có); c) Sau khi áp dụng phương thức kiểm tra giảm trong vòng 12 tháng, có kết quả đạt yêu cầu tại các lần kiểm tra định kỳ theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm; d) Việc áp dụng phương thức kiểm tra giảm chỉ được</p>	<p>Đánh giá chung:</p> <p>Về cơ bản, pháp luật QLCN của VN chưa tương thích cam kết về áp dụng phương pháp QLRR tại Điều này.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Sửa đổi điều 34 luật CLSPHH, điều 38 luật ATTP, bổ sung các luật QLCN khác theo hướng áp dụng nguyên tắc QLRR trong kiểm tra chuyên ngành, bãi bỏ quy định kiểm tra từng lô hàng trong các văn bản pháp luật hiện hành (tương tự như đã quy định tại Điều 17 luật Hải quan số 54/2014/QH13).</p> <p>Về áp dụng nguyên tắc QLRR trong lĩnh vực QLCN cũng đã được quy định cụ thể tại Nghị quyết 19-2016/NQ-CP: “Thay đổi căn bản phương thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành, thực hiện nguyên tắc quản lý trên cơ sở đánh giá rủi ro...”. Đây vừa là chủ trương, vừa là cơ sở để đưa nguyên tắc quản lý hiện đại này vào pháp luật QLCN.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>tiến hành khi có thông báo của Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế trên cơ sở xem xét các yêu cầu tại các điểm a, b, c Khoản 2 Điều này. Để được cấp thông báo, chủ hàng gửi Đơn đề nghị áp dụng phương thức kiểm tra giảm đối với thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Phụ lục số 1A ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ hàng, Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế có thông báo cho phép hoặc không cho phép áp dụng phương thức kiểm tra giảm theo quy định tại Phụ lục số 1B ban hành kèm theo Thông tư này” (khoản 2 Điều 6).</p> <p>Bộ NNPTNT quy định tại Điều 11 Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT: Là “Phương thức kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng kiểm tra thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia về thừa nhận lẫn nhau đối với hoạt động chứng nhận an toàn thực phẩm”.</p> <p>Bộ Công thương quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư 28/2013/TT-BCT: “Kiểm tra giảm là phương thức chỉ lấy mẫu đại diện để kiểm tra việc ghi nhãn, tính đồng nhất của lô hàng nhập khẩu (về xuất xứ, số lô) mà không phải kiểm nghiệm mẫu để đối chiếu với hồ sơ...”; và “Kiểm tra giảm chỉ kiểm tra hồ sơ là việc chỉ nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký kiểm tra, không lấy mẫu sản phẩm”.</p> <p>Trong tất cả các văn bản pháp luật về</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>ATTP, duy nhất Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT có 1 điều quy định về căn cứ lực sử tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp để kiểm tra, như sau:</p> <p>“Điều 6. Chỉ tiêu kiểm tra:</p> <p>Các chỉ tiêu về ATTP phải kiểm nghiệm do cơ quan kiểm tra quyết định căn cứ vào lịch sử tuân thủ quy định của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu; tình hình thực tế về nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm từ nơi sản xuất, nước sản xuất; tình hình thực tế lô hàng và hồ sơ kèm theo”.</p> <p>Cần nhắc lại về quy định kiểm tra từng lô hàng.</p> <p>Mặc dù phế liệu là loại hàng có khả năng gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khoẻ cộng đồng trên quy mô lớn, tác hại lâu dài, nhưng Bộ TNMT, tại Thông tư 41/2015/TT- BTNMT ngày 9/9/2015 về <i>bảo vệ môi trường trong nhập khu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất</i>, không quy định kiểm tra chất lượng từng lô hàng nhập khẩu, mà chỉ quy định về điều kiện bảo vệ môi trường và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu (có giá trị hiệu lực 2 năm và được xét cấp lại khi hết hạn), còn việc kiểm tra thực tế hàng hoá do cơ quan hải quan thực hiện, không phải làm thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng tại một cơ quan, tổ chức khác:</p> <p>Khoản 4 Điều 10 (<i>Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thông quan phế liệu nhập khẩu</i>)</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>quy định: “4. Thủ tục kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường, kiểm tra thực tế lô hàng phế liệu nhập khẩu để thông quan được thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập. 5. Cơ quan hải quan căn cứ Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành và hồ sơ quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này quyết định thông quan hoặc giải quyết theo thẩm quyền đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu. 6. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm về bảo vệ môi trường chưa thể quyết định thông quan hoặc buộc tái xuất, cơ quan hải quan tổ chức giám định lại lô hàng phế liệu nhập khẩu hoặc thành lập Hội đồng kiểm tra phế liệu nhập khẩu để đánh giá sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu của lô hàng phế liệu nhập khẩu.”</p>	
<p>Article 8. Transparency 1. Each Party shall ensure that its customs and other trade-related laws, regulations and general administrative procedures and other requirements, including fees and</p>	<p>Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13: “Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật: 1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở Trung ương phải được đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước”. - Hiện nay Quốc hội, Chính Phủ, tất cả các Bộ và các cơ quan QLCN của các Bộ đều có website, ở đó đăng tải công khai tất cả các văn bản pháp</p>	<p>Phân tích cam kết: Tại điều này, các Bên cam kết sẵn sàng cung cấp cho những ai quan tâm các quy định của pháp luật và thủ tục, bao gồm các quy định về phí và lệ phí, trong lĩnh vực hải quan và trong các lĩnh vực liên quan khác; khi có điều kiện thì đăng các quy định đó trên website chính thức. Các Bên cũng cam kết duy trì đầu mối tiếp nhận, trả lời, cung cấp thông tin về các vấn đề hải quan và các vấn đề liên quan khác cho những ai quan tâm</p> <p>Đánh giá:</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>charges, are readily available to all interested parties and where feasible and possible, official website.</p> <p>2. Each Party shall designate or maintain one or more inquiry or information points to address inquiries within a reasonable time by interested persons concerning customs and other trade-related matters.</p>	<p>luật, các thủ tục hành chính, kể cả văn bản điều hành, văn bản xử lý những vướng mắc cụ thể về pháp luật, thủ tục. Các website đều có mục hỏi đáp pháp luật, thủ tục, có website còn cả trang fanpage để trao đổi về các vấn đề mà người tam gia quan tâm.</p>	<p>Pháp luật QLCN của Việt Nam đã hoàn toàn đáp ứng cam kết tại Điều 8 Hiệp định.</p> <p>Đề xuất: Không có đề xuất sửa đổi, bổ sung nào.</p>
<p>Article 10. Fees and charges</p>		
<p>1. Fees and charges shall only be imposed for services provided in connection with the importation or exportation in question. They shall not exceed the approximate cost of</p>	<p>Luật CLSPHH:</p> <p>Khoản 15 Điều 12 (Nghĩa vụ của người nhập khẩu): “Trả chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 37; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này”.</p> <p>Khoản 4 Điều 14 (Nghĩa vụ của người xuất</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Theo cam kết tại khoản này, mức lệ phí và phí thực hiện các thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu không được vượt quá chi phí dịch vụ bỏ ra và không được tính theo trị giá lô hàng.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>- Về mức lệ phí và phí:</p> <p>Trong khi mức lệ phí được đánh giá là rõ ràng và tương đối thấp</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>the service provided; and shall not be calculated on an ad valorem basis.</p>	<p>Khấu): “Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo quy định tại Điều 31, chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41 và chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này”.</p> <p>Điều 37 (Chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người nhập khẩu trả chi phí thử nghiệm, giám định theo thoả thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định chất lượng. 2. Người nhập khẩu nộp lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu. 3. Bộ Tài chính quy định mức, việc thu và quản lý lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu. <p>Thông tư 27/2012/TT-BKHCHN:</p> <p>Khoản 2, khoản 3 Điều 9 (Áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra) “đ) Chi phí lấy mẫu hàng hóa và thử nghiệm như sau:</p> <p style="text-align: center;"><i>Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm để kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều này do cơ quan kiểm tra chi trả....</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Trường hợp kết quả thử nghiệm cho thấy hàng hóa nhập khẩu không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì người nhập khẩu phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hàng hóa cho cơ quan</i></p>	<p>thì mức phí đối với một số dịch vụ (các chi phí thử nghiệm, giám định, chứng nhận hợp quy, kiểm tra chất lượng hàng hoá...) được đánh giá là tương đối cao (có thể viện dẫn báo cáo của GIG tại hội thảo 3/10 tại HCM) và khó có thể nói là không vượt quá chi phí dịch vụ bỏ ra hay không. Người xuất khẩu, nhập khẩu khó có thể biết được các công việc thực sự của dịch vụ được cung cấp là gì, do quy định hiện hành về quản lý, kiểm tra chuyên ngành yêu cầu việc chứng nhận hợp quy được thực hiện đối với từng người nhập khẩu, việc kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm... được thực hiện đối với tất cả các lô hàng nhập khẩu nhóm 2 dẫn đến một mặt hàng phải kiểm tra đi, kiểm tra lại rất nhiều lần.</p> <p>.</p> <p>- <i>Về cách tính:</i> Trong khi cách tính lệ phí hoàn toàn phù hợp Hiệp định thì cách tính phí vẫn còn những quy định chưa hoàn toàn phù hợp. Đó là:</p> <p>+ Có một số dịch vụ mà mức phí được quy định tính theo tỷ lệ phần trăm trị giá hàng hóa. Cụ thể:</p> <p>Mục III Phụ lục kèm theo Thông tư 223/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định: Phí kiểm định chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu là 0,05% giá trị lô hàng, tối thiểu là 1,2 triệu đồng/lô hàng, tối đa là 10 triệu đồng/lô hàng; Phí kiểm định các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm trong nông sản (rau, củ, quả...) xuất, nhập khẩu là 1% giá trị lô hàng, tối thiểu là 3 triệu đồng/lô hàng, tối đa là 10 triệu đồng/lô hàng.</p> <p>+ Có lĩnh vực, mức phí được tính theo khối lượng hàng hoá dẫn đến có những trường hợp mức phí rất cao, khó có thể nói là có tương xứng dịch vụ cung cấp hay không. Cụ thể:</p> <p>Điểm 3 Mục VI Phụ lục kèm theo Thông tư 223/2012/TT-BTC</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p><i>kiểm tra.</i></p> <p>Trường hợp khiếu nại, tố cáo, nếu kết quả thử nghiệm cho thấy hàng hóa nhập khẩu phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng thì <i>người khiếu nại, tố cáo phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hàng hóa cho cơ quan kiểm tra.</i></p> <p>3. Trường hợp <i>người nhập khẩu không nhất trí</i> với kết quả thử nghiệm mẫu quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thử nghiệm mẫu, người nhập khẩu có thể <i>đề nghị bằng văn bản đối với cơ quan kiểm tra thử nghiệm lại đối với mẫu lưu ở một tổ chức thử nghiệm được chỉ định khác. Kết quả đánh giá sự phù hợp này là căn cứ để cơ quan kiểm tra xử lý, kết luận cuối cùng. Chi phí đánh giá sự phù hợp do người nhập khẩu chi trả.</i></p> <p>Khoản 2 Điều 1 Thông tư 231/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, như sau: “Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài khi đăng ký công bố hợp chuẩn/hợp quy, đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo sản xuất trong nước, đăng ký mẫu phương tiện đo nhập khẩu, đăng ký công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo, đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.”</p>	<p>quy định phí kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu quy định mức phí tính theo khối lượng hàng, trong đó “Lô hàng có khối lượng trên 500 (tấn, m³) được phân lô theo hầm tàu, kho để kiểm dịch và tính phí kiểm dịch, hoặc cộng thêm phí kiểm dịch phần còn lại với phí kiểm dịch của lô 500 (tấn, m³)”, không hạn chế mức tối đa. Theo quy định này, những lô hàng có khối lượng lớn (một vài ngàn tấn) mức phí lên tới vài chục triệu đồng.</p> <p>Đề xuất: Quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về lệ phí và phí trong QLCN phần lớn đã đáp ứng cam kết tại khoản 1 Điều 10 Hiệp định trừ một số trường hợp cụ thể dưới đây và do đó cần được điều chỉnh để bảo đảm tương thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi cách tính <i>Phí kiểm định chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu, Phí kiểm định các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm trong nông sản (rau, củ, quả...) xuất, nhập khẩu quy định tại Mục III Phụ lục kèm theo Thông tư 223/2012/TT-BTC</i> theo hướng quy định mức phí tuyệt đối, không tính theo trị giá lô hàng; - Sửa đổi cách tính <i>phí kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu quy định tại Điểm 3 Mục VI Phụ lục kèm theo Thông tư 223/2012/TT-BTC</i> theo hướng quy định mức trần tối đa đối với một lô hàng.

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>Điều 2 Thông tư trên quy định mức thu lệ phí 150.000 đồng/giấy đối với việc cấp các giấy tờ sau: Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy; Lệ phí cấp giấy chứng nhận phê duyệt mẫu phương tiện đo sản xuất trong nước; Lệ phí cấp giấy chứng nhận phê duyệt mẫu phương tiện đo nhập khẩu; Lệ phí cấp giấy công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo; Lệ phí cấp giấy thông báo kết quả kiểm tra về chất lượng hàng hoá nhập khẩu.</p> <p>Thông tư 223/2012/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Biểu mức thu phí và lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này quy định cụ thể tên dịch vụ, mức phí, lệ phí tuyệt đối. Mức thu lệ phí tương đối thấp, mức cao nhất là 300 000 VN đồng.</p>	
<p>2. Neither Party shall require consular transactions, including related fees and charges, in connection with the importation of or exportation to of goods to the other Party. After three years of entry into</p>	<p>Nghị định 38/2012/NĐ-CP:</p> <p>“Điều 5. Hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>2. Công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất), hồ sơ gồm:</p> <p>c) Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm trong vòng 12 tháng, gồm các chỉ tiêu theo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; do các đối tượng sau cấp: Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm độc lập được công nhận</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Theo cam kết tại khoản này, không bên nào được yêu cầu bên kia thực hiện thủ tục hợp pháp hoá lãnh sự và nộp phí, lệ phí hợp pháp hoá lãnh sự đối với các chứng từ nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá. Nếu hiện tại đang có yêu cầu này thì sau 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, phải bãi bỏ.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Nhìn chung, pháp luật hiện hành về quản lý chuyên ngành đối với hàng hoá xuất nhập khẩu không có yêu cầu về việc hợp pháp hóa lãnh sự đối với các chứng từ xuất nhập khẩu (trừ trường hợp cá biệt là Nghị định 38/2012/NĐ-CP quy định hợp pháp hoá lãnh sự trong hồ sơ công bố hợp quy và công bố phù</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>force of this Agreement, a Party may not require consular authentication for the importation of goods covered by this Agreement.</p>	<p>(bản gốc hoặc bản sao có công chứng); hoặc Phòng kiểm nghiệm của nước xuất xứ được cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam thừa nhận (bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự);</p> <p style="text-align: center;">Điều 6. Hồ sơ công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>1. Đối với sản phẩm nhập khẩu (trừ thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng), hồ sơ gồm:</p> <p style="padding-left: 40px;">c) Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm trong vòng 12 tháng, gồm các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu, chỉ tiêu an toàn, do các đối tượng sau cấp: Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm độc lập được công nhận (bản gốc hoặc bản sao có công chứng); hoặc Phòng kiểm nghiệm của nước xuất xứ được cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam thừa nhận (bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự).</p> <p>3. Đối với thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng nhập khẩu, hồ sơ gồm:</p> <p style="padding-left: 40px;">c) Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc chứng nhận y tế hoặc giấy chứng nhận tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp trong đó có nội dung thể hiện sản phẩm an toàn với sức khỏe người tiêu dùng</p>	<p>hợp an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật, thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng nhập khẩu). Như vậy, pháp luật QLCN đã tương thích cam kết tại Hiệp định (trừ trường hợp nêu trên).</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị sửa đổi tiết c, khoản 2, Điều 5; tiết c, khoản 1, tiết c và d khoản 3 Điều 6 Nghị định 38/2012/NĐ – CP của Chính phủ theo hướng bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ công bố hợp quy và hồ sơ công bố an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật, thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng nhập khẩu.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>và phù hợp với pháp luật về thực phẩm (bản gốc hoặc bản sao công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự);</p> <p>d) Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm trong vòng 12 tháng, gồm các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu, chỉ tiêu an toàn, do các đối tượng sau cấp: Phòng kiểm nghiệm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm độc lập được công nhận (bản gốc hoặc bản sao có công chứng); hoặc Phòng kiểm nghiệm của nước xuất xứ được cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam thừa nhận (bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự)".</p>	
<p>3. The information on fees and charges shall be published via an officially designated medium, and where feasible and possible, official website. This information shall include the reason for the fee or charge for the service provided, the responsible authority, the fees and charges that will be applied, and</p>	<p>Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13:</p> <p>“Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật:</p> <p>1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở Trung ương phải được đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước”.</p> <p>Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13:</p> <p>“Điều 6. Người nộp phí, lệ phí .</p> <p>Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân được</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Theo cam kết tại khoản này, các quy định về lệ phí và phí phải được công bố trên phương tiện truyền thông chính thức và, nếu có điều kiện, thì đăng trên các website chính thức. Thông tin về lệ phí và phí bao gồm lý do thu, cơ quan được quyền thu, mức thu, thời gian và cách thức nộp.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Các trích dẫn ở cột 3 cho thấy pháp luật Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ các cam kết ở khoản 3 Điều 10 Hiệp định về công bố công khai các quy định về lệ phí, phí; về lý do thu, cơ quan được quyền thu, mức thu. Riêng về thời gian và cách thức nộp chưa được quy định cụ thể tại các văn bản này, nhưng theo thông lệ, lệ phí và phí được thu ngay sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>when and how payment is to be made.</p>	<p>cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật này.</p> <p>Điều 7. Tổ chức thu phí, lệ phí.</p> <p>Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật này.</p> <p>Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí: Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí...</p> <p>Điều 9. Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí: Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí...</p> <p>Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí;</p> <p>1. Niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên Trang thông tin điện tử của tổ chức thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí, lệ phí...”.</p>	<p>Trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành, ngoài Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ, tất cả các Bộ QLCN và hầu hết các Cục chuyên môn của các Bộ đều có website chính thức, đăng tất cả các quy định pháp luật liên quan nói chung, pháp luật về lệ phí và phí quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nói riêng.</p> <p>Ngoài ra, để định hướng cho việc hoàn chỉnh các quy định của pháp luật về phí và lệ phí QLCN, Nghị quyết 19-2016/NQ-CP quy định: “ Sửa đổi các quy định về phí kiểm tra chuyên ngành, minh bạch về cách tính chi phí, người chịu trách nhiệm trả phí...”</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Pháp luật QLCN của Việt Nam đã đáp ứng hoàn toàn cam kết tại khoản 3 Điều 10 Hiệp định, không đề xuất sửa đổi, bổ sung.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>Luật CLSPHH:</p> <p>“Điều 12. Nghĩa vụ của người nhập khẩu:</p> <p>15. Trả chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 37; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41; chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này”.</p> <p>“Điều 14. Nghĩa vụ của người xuất khẩu:</p> <p>4. Trả chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo quy định tại Điều 31, chi phí lấy mẫu, thử nghiệm theo quy định tại Điều 41 và chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này”.</p> <p>“Điều 19. Quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp</p> <p>2. Được thanh toán chi phí theo thoả thuận với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có nhu cầu đánh giá sự phù hợp hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>7. Thu chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy theo quy định tại Điều 31; thu chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 37; thu chi phí thử nghiệm theo quy</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>định tại Điều 41; thu chi phí thử nghiệm, giám định theo quy định tại Điều 58 của Luật này”.</p> <p>“Điều 37. Chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người nhập khẩu trả chi phí thử nghiệm, giám định theo thoả thuận với tổ chức thử nghiệm, tổ chức giám định chất lượng. 2. Người nhập khẩu nộp lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu. 3. Bộ Tài chính quy định mức, việc thu và quản lý lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu”. <p>Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật:</p> <p>“Điều 46.2. Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp chuẩn có các nghĩa vụ sau đây: đ) Trả chi phí cho việc chứng nhận hợp chuẩn”</p> <p>“Điều 49.2. Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy có các nghĩa vụ sau đây: đ) Trả chi phí cho việc chứng nhận hợp quy”.</p> <p>“Điều 56. 2. Tổ chức được công nhận có các nghĩa vụ sau đây: đ) Trả chi phí cho việc công nhận”.</p> <p>Luật ATTP:</p> <p>“Điều 48. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>1. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm để kiểm tra, thanh tra an toàn thực phẩm do cơ quan quyết định việc kiểm tra, thanh tra chi trả.</p> <p>2. Căn cứ kết quả kiểm nghiệm, cơ quan ra quyết định kiểm tra, thanh tra an toàn thực phẩm kết luận tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân đó phải hoàn trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm cho cơ quan kiểm tra, thanh tra.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm phải tự chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm.</p> <p>4. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm trong tranh chấp, khiếu nại về an toàn thực phẩm do người khởi kiện, khiếu nại chi trả. Trường hợp kết quả kiểm nghiệm khẳng định tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm quy định về an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân đó phải hoàn trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm an toàn thực phẩm tranh chấp cho người khởi kiện, khiếu nại”.</p> <p>“Điều 46. 2. Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm được cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm, thu phí kiểm nghiệm...”.</p> <p>Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13:</p> <p>“Điều 12. Phí, lệ phí về bảo vệ và kiểm dịch thực vật: Tổ chức, cá nhân có hoạt động bảo vệ</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>và kiểm dịch thực vật phải trả phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”.</p> <p>Thông tư 223/2012/TT-BTC:</p> <p>“Điều 1. Đối tượng nộp phí, lệ phí</p> <p>Các tổ chức, cá nhân (không phân biệt trong nước hay ngoài nước) khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện các công việc về bảo vệ, kiểm dịch thực vật, quản lý thuốc bảo vệ thực vật, kiểm tra an toàn thực phẩm và các hoạt động khác trong lĩnh vực bảo vệ thực vật (dưới đây gọi chung là bảo vệ thực vật) thì phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.</p> <p>Điều 2. Mức thu</p> <p>1. Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật được quy định cụ thể tại Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này”.</p> <p>Luật Thú y số 79/2015/QH13:</p> <p>“Điều 12. Phí, lệ phí về thú y:</p> <p>Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y phải trả phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”.</p>	
<p>4. New or amended fees and charges shall not be imposed until information in</p>	<p>Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13:</p> <p>Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Theo cam kết tại khoản này, các thay đổi về lệ phí và phí chỉ được áp dụng khi đã được công bố công khai.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>accordance with paragraph 3 is published and made readily available.</p>	<p>1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương...</p> <p>2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.</p>	<p>Đánh giá:</p> <p>Quy định về lệ phí và phí (bao gồm lệ phí và phí kiểm tra quyền ngành đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu) được ban hành bằng hình thức thông tư của Bộ Tài chính. Các sửa đổi, bổ sung cũng phải được ban hành bằng hình thức thông tư. Như trích dẫn điều 151 Luật ban hành văn bản QPPL ở cột 3, văn bản QPPL do cơ quan ở trung ương ban hành có hiệu lực không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký ban hành, nếu được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Pháp luật Việt Nam đã đáp ứng cam kết, không đề xuất sửa đổi, bổ sung.</p>
<p>Article 13. Pre-shipment inspection</p> <p>The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall not require the mandatory use of preshipment inspections as</p>	<p>- Về vấn đề Kiểm tra trước khi xếp hàng lên tàu: pháp luật QLCN không có quy định nào về vấn đề này.</p> <p>- Về việc các công ty tư nhân kiểm tra phẩm chất hàng hoá nhập khẩu tại bến đến:</p> <p>Khoản 9 Điều 3 Luật CLSPHH quy định:</p> <p>“9. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định là tổ chức đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định công</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại Điều này, các Bên cam kết các quy định và thủ tục thông quan hàng hoá không yêu cầu hàng hoá phải được kiểm tra trước khi xếp hàng lên tàu tại bến đi (theo định nghĩa tại Hiệp định WTO), không được giao các công ty tư nhân tiến hành bất cứ hình thức kiểm tra nào trước khi hàng hoá được thông quan tại bến đến.</p> <p>Khoản 3 Điều 1 Hiệp định WTO về Kiểm tra trước khi xếp hàng lên tàu định nghĩa: “Kiểm tra trước khi xếp hàng lên tàu” là việc kiểm tra phẩm chất, số lượng, giá cả hàng hoá, tỷ giá hối đoái,</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>defined in the WTO Agreement on Preshipment Inspection, or any other inspection activity performed at destination, before customs clearance, by private companies.</p>	<p>bổ danh sách để tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lựa chọn sử dụng dịch vụ đánh giá sự phù hợp <i>phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước</i>".</p> <p>Về tổ chức đánh giá sự phù hợp, khoản 5 Điều 25 Luật CLSPHH quy định:</p> <p>"5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu chung đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;</p> <p>b) Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;</p> <p>c) Đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền".</p> <p>Về đánh giá sự phù hợp, khoản 5 Điều 3 Luật TCQCKT quy định:</p> <p>"5...Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám</p>	<p>các điều khoản về tài chính, cũng như phân loại hàng hoá sẽ xuất khẩu sang nước nhập khẩu¹.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>- Về vấn đề <i>Kiểm tra trước khi xếp hàng lên tàu:</i></p> <p>Theo định nghĩa trên, hiện nay pháp luật QLCN đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không có quy định nào bắt buộc hàng nhập khẩu vào Việt Nam phải được kiểm tra chất lượng trước khi xếp hàng lên tàu tại bến đi. Hay nói cách khác, pháp luật Việt Nam đã đáp ứng hoàn toàn cam kết này.</p> <p>- Về việc các công ty tư nhân kiểm tra phẩm chất hàng hoá nhập khẩu tại bến đến:</p> <p>Theo như các trích dẫn ở cột 3 thì việc kiểm tra phẩm chất hàng hoá nhập khẩu phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước (gồm kiểm tra, giám định đánh giá sự phù hợp của chất lượng hàng hoá so với quy chuẩn kỹ thuật, kiểm tra nhà nước về chất lượng) tại bến đến được thực hiện bởi các tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Luật CLSPHH và được Bộ QLCN chỉ định. Theo quy định trên thì bất cứ tổ chức nào, không phân biệt là cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp kỹ thuật hay công ty tư nhân, nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định thì đều có thể được chỉ định thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu tại cảng nhập. Trên thực tế thì, ngoài cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp kỹ thuật, một số công ty tư nhân như Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol, Công ty cổ phần giám định Đại Việt... đã được chỉ định thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng đối</p>

¹ Preshipment inspection activities are all activities relating to the verification of the quality, the quantity, the price, including currency exchange rate and financial terms, and/or the customs classification of goods to be exported to the territory of the user Member.

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p><i>định”.</i></p> <p>Về <i>Kiểm tra nhà nước về chất lượng, khoản 15 Điều 3 Luật CLSPHH</i> quy định: “15. Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá (sau đây gọi là kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa) là việc cơ quan nhà nước xem xét, đánh giá lại chất lượng sản phẩm, hàng hoá, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ đã được đánh giá chất lượng bởi các tổ chức đánh giá sự phù hợp hoặc đã được áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng khác của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh”.</p> <p><i>Về giám định hàng hoá phục vụ quản lý nhà nước, tiết b khoản 2 Điều 25 Luật CLSPHH</i> quy định: “b) Việc giám định phục vụ quản lý nhà nước do tổ chức giám định được chỉ định thực hiện”.</p> <p><i>Về tổ chức giám định thực hiện kiểm tra nhà nước:</i></p> <p>. Khoản 2 Điều 4 Thông tư 37/2015/TT-BCT của Bộ Công thương quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may quy định: “2. Bộ Công Thương ủy quyền tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước khi tổ chức giám định/ chứng nhận đã được chỉ định theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đáp ứng các yêu cầu sau: a) Có phòng thử nghiệm</p>	<p>với hàng hoá nhập khẩu. Và như vậy, pháp luật Việt Nam vẫn còn có những quy định chưa hoàn toàn phù hợp với về cam kết này (???)</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Đề nghị sửa đổi quy định tại Khoản 9 Điều 3, khoản 15 Điều 3, tiết b khoản 2 Điều 25, khoản 5 Điều 25 Luật CLSPHH, khoản 5 Điều 3 Luật TCQCKT, , Điều 3 Thông tư 52/2015/TT-BYT của Bộ Y tế theo hướng quy định kiểm tra nhà nước về phẩm chất hàng hoá nhập khẩu tại bến đến do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>được chỉ định theo khoản 1 Điều này; b) Hoặc ký hợp đồng thuê thầu phụ với tổ chức thử nghiệm đã được chỉ định theo quy định tại Khoản 1 Điều này; c) Hoặc ký hợp đồng thuê thầu phụ với tổ chức thử nghiệm nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam được Bộ Công Thương thừa nhận kết quả theo quy định tại Điều 6 Thông tư này”.</p> <p>. Điều 3 Thông tư 52/2015/TT-BYT của Bộ Y tế quy định việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu và hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định: “ Cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm Cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là cơ quan kiểm tra) là các cơ quan, đơn vị có đủ điều kiện, năng lực kỹ thuật thực hiện việc kiểm tra, kiểm nghiệm sản phẩm thực phẩm được Bộ Y tế chỉ định”.</p>	
<p>Article 14. review and appeal</p> <p>Each Party shall provide effective, prompt, non-discriminatory and easily accessible procedures to guarantee the right of appeal against</p>	<p>Khoản 2 Điều 2 “<i>Người khiếu nại</i> là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện quyền khiếu nại”.</p> <p>Khoản 5 Điều 2 “<i>Người bị khiếu nại</i> là cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có quyết định kỷ luật cán bộ, công chức</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Tại Điều này, mỗi Bên cam kết đảm bảo quyền khiếu nại đối với các hành vi của cơ quan hải quan và các cơ quan nhà nước khác, các quy định và quyết định ảnh hưởng tới hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh được thực hiện một cách hiệu quả, nhanh chóng, dễ dàng, không phân biệt đối xử.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Như trích dẫn tại cột 3, vấn đề khiếu nại và giải quyết khiếu nại</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>customs and other agency administrative actions, rulings and decisions affecting import or export of goods or goods in transit.</p>	<p>bị khiếu nại”.</p> <p>Khoản 1 Điều 3 “Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác”.</p> <p>Điều 4. <i>Nguyên tắc khiếu nại và giải quyết khiếu nại</i></p> <p>Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại phải được thực hiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.</p> <p>Điều 5. <i>Trách nhiệm giải quyết khiếu nại và phối hợp giải quyết khiếu nại</i></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, xử lý nghiêm minh người vi phạm; áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm cho quyết định giải quyết khiếu nại được thi hành nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật của mình; nếu trái pháp luật phải kịp thời sửa chữa, khắc phục, tránh phát sinh khiếu nại”.</p>	<p>được quy định khá đầy đủ tại Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13. Luật này được áp dụng chung cho mọi đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, không phân biệt tổ chức, cá nhân trong nước hay tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực QLCN đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu cũng áp dụng các quy định của Luật Khiếu nại, đồng thời được quy định cụ thể thêm tại từng luật QLCN,. Riêng Luật An toàn thực phẩm áp dụng cho hoạt động xuất, nhập khẩu không có quy định cụ thể thêm việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.</p> <p>Mặc dù pháp luật quy định khá đầy đủ như nêu trên, nhưng hiệu quả thực thi là rất thấp. Rất hiếm có (thậm chí có thể nói là chưa có) trường hợp người nhập khẩu, xuất khẩu khiếu nại các kết luận, quyết định của cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành về phẩm chất hàng hoá hay các quy định của văn bản dưới luật không phù hợp với luật (trên thực tế là có). Tâm lý chung của các doanh nghiệp là sợ làm mất lòng cơ quan, tổ chức quản lý, kiểm tra để tránh bị trừ dậm.</p> <p>Đề xuất:</p> <p>Quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về khiếu nại và giải quyết khiếu nại nói chung, trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện QLCN nói riêng đã khá đầy đủ và phù hợp cam kết tại Điều 13 của Hiệp định.</p> <p>Tuy nhiên, để đồng bộ hệ thống các luật QLCN, đề nghị bổ sung quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện kiểm tra an toàn thực phẩm vào Luật An toàn thực phẩm.</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>Điều 7. Trình tự khiếu nại.</p> <p>Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại.</p> <p>...k) Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính”...</p> <p>Trong lĩnh vực QLCN đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quyền khiếu nại và thủ tục khiếu nại, giải quyết khiếu nại, ngoài việc thực hiện theo các quy định tại Luật khiếu nại số 02/2011/QH13, còn được thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật QLCN, như sau:</p> <p>Điều 11 (Quyền của người nhập khẩu) Luật CLSPHH:</p> <p>“7. Khiếu nại kết luận của kiểm soát viên chất lượng, đoàn kiểm tra, quyết định của cơ quan kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”.</p> <p>Điều 13 (Quyền của người xuất khẩu) Luật CLSPHH:</p> <p>“6. Khiếu nại quyết định của cơ quan kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền”.</p> <p>“Điều 64. Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại với cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền về quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền mà tổ chức, cá nhân cho là trái pháp luật hoặc về hành</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
	<p>vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>Điều 65. Giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá</p> <p>Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo”.</p> <p>Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13:</p> <p>“Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật</p> <p>1. Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có quyền sau đây:</p> <p>d) Khiếu nại về kết quả kiểm dịch thực vật và quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật”.</p>	
<p>Article 15. relations with the Business Community.</p> <p>The Parties agree:</p> <p>(a) on the need for</p>	<p>Luật TCQCKT:</p> <p>Điều 17. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia</p> <p>1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với dự thảo tiêu</p>	<p>Phân tích cam kết:</p> <p>Các cam kết tại Điều 15 liên quan đến QLCN gồm: Các cơ quan QLCN phải thiết lập cơ chế tham vấn ý kiến cộng đồng doanh nghiệp về các dự án pháp luật và thủ tục liên quan đến QLCN đối với hàng hoá XK, NK; đăng tải công khai các quy định mới,</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>timely consultations with trade representatives on legislative proposals and general procedures related to customs and trade facilitation issues. To that end, appropriate consultation between administrations and the business community shall be established by each Party;</p> <p>(b) to publish or otherwise make available, as far as possible through electronic means, and new legislation and general procedures related to customs and trade facilitation issues prior to the application of any</p>	<p>chuẩn quốc gia do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng được quy định như sau:</p> <p>b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, công khai của tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; tổ chức hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các bên có liên quan để góp ý về dự thảo. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là sáu mươi ngày; trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường thì thời gian lấy ý kiến có thể ngắn hơn;</p> <p>c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, lập hồ sơ dự thảo và chuyển cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định...</p> <p>Điều 32. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:</p> <p>a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Điều 27 của Luật này tổ chức việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với sự tham gia của đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các tổ chức khác có liên</p>	<p>những sửa đổi cũng như những giải thích các quy định đó một thời gian hợp lý trước khi các quy định này có hiệu lực; lắng nghe các nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp, tiếp thu những thực tiễn tốt, hạn chế đến mức thấp nhất các cấm đoán trong hoạt động thương mại.</p> <p>Đánh giá:</p> <p>Như đã trích dẫn, phân tích, đánh giá tại các Điều 8, Điều 12 pháp luật VN nói chung, pháp luật QLCN nói riêng đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đăng tải công khai văn bản mới; thời gian hiệu lực; các giải thích, hướng dẫn văn bản pháp luật...</p> <p>Về vấn đề tham vấn ý kiến cộng đồng doanh nghiệp đối với các dự án pháp luật, website của các Bộ đều có trang đăng tải các dự án pháp luật để tất cả những ai quan tâm góp ý. Thời gian lấy ý kiến thường kéo dài nhiều tháng.</p> <p>Riêng lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, việc lấy ý kiến được quy định rất cụ thể, chi tiết như trích dẫn ở cột 2.</p> <p>Đánh giá chung:</p> <p>Pháp luật QLCN của VN đã tương thích hoàn toàn cam kết tại Điều 15 Hiệp định.</p> <p>Đề xuất: Không có đề xuất sửa đổi nào</p>

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>such legislation and procedures, as well as changes to and interpretations of such legislation and procedures. They shall also make publicly available relevant notices of an administrative nature, including agency requirements and entry procedures, hours of operation and operating procedures for customs offices at ports and border crossing points, and points of contact for information enquiries;</p> <p>(c) on the need for a reasonable time period between the publication of new or amended legislation, procedures and fees or charges and their</p>	<p>quan, người tiêu dùng và các chuyên gia;</p> <p>b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, công khai của tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tổ chức hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các bên có liên quan để góp ý về dự thảo. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là sáu mươi ngày; trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường thì thời gian lấy ý kiến có thể ngắn hơn theo quyết định của cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;</p> <p>c) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, lập hồ sơ dự thảo sau khi đã thống nhất ý kiến với bộ, ngành có liên quan về nội dung và chuyển cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định...</p>	

Cam kết EVFTA (1)	Pháp luật Việt Nam liên quan (2)	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp (3)
<p>entry into force; (d) to ensure that their respective customs and related requirements and procedures continue to meet the needs of the trading community, follow best practices, and remain as little trade-restrictive as possible.</p>		